PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 21/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 505 + 506)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4C	KX	xã Quyết Tiến	H. Quản Bạ			22° 59' 43"	104° 56' 53"	23° 03' 03"	104° 59' 25"	F-48-18-D F-48-30-B
thôn Chúng Trải	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 01' 55"	104° 50' 13"					F-48-18-D
thôn Hoa Si Pan	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 00' 54"	104° 50' 26"					F-48-18-D
thôn Lò Suối Tủng	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 01' 02"	104° 53' 14"					F-48-18-D
thôn Ma Ngán Sán	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 00' 45"	104° 51' 37"					F-48-18-D
thôn Pao Mã Phìn	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	22° 59' 44"	104° 51' 40"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sải Giàng Phìn	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 00' 23"	104° 52' 22"					F-48-18-D
thôn Tả Ván	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 01' 50"	104° 51' 33"					F-48-18-D
thôn Thèn Ván	DC	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 01' 15"	104° 54' 08"					F-48-18-D
núi Chúng Phùng	SV	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 02' 44"	104° 50' 06"					F-48-18-D
núi Xín Chải	SV	xã Tả Ván	H. Quản Bạ	23° 01' 01"	104° 49' 42"					F-48-18-D
suối Chúng Trải	TV	xã Tả Ván	H. Quản Bạ			23° 01' 54"	104° 49' 55"	22° 59' 48"	104° 52' 20"	F-48-18-D F-48-30-B
suối Pàn Rào	TV	xã Tả Ván	H. Quản Bạ			22° 59' 48"	104° 52' 20"	22° 59' 11"	104° 52' 15"	F-48-30-B
thôn Cán Hồ	DC	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 58' 34"	105° 07' 46"					F-48-31-A
thôn Lùng Hậu	DC	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 59' 39"	105° 07' 46"					F-48-31-A
thôn Nặm Luồng	DC	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 59' 35"	105° 04' 27"					F-48-31-A
thôn Séo Lủng 1	DC	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 58' 20"	105° 07' 01"					F-48-31-A
thôn Séo Lủng 2	DC	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 58' 57"	105° 05' 45"					F-48-31-A
núi Bái Bò	SV	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 57' 56"	105° 03' 59"					F-48-31-A
núi Páo Hả	SV	xã Thái An	H. Quản Bạ	22° 58' 14"	105° 05' 57"					F-48-31-A
suối Cá	TV	xã Thái An	H. Quản Bạ			22° 58' 44"	105° 05' 05"	23° 00' 02"	105° 03' 51"	F-48-31-A F-48-19-C
sông Miện	TV	xã Thái An	H. Quản Bạ			23° 00' 14"	105° 03' 54"	22° 58' 14"	105° 02' 11"	F-48-31-A
thôn Làng Tấn	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 06' 50"	104° 56' 42"					F-48-18-D
thôn Lùng Cáng	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 05' 48"	104° 58' 55"					F-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lùng Cúng	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 05' 10"	104° 59' 15"					F-48-18-D
thôn Má Hồng	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 06' 02"	104° 58' 19"					F-48-18-D
thôn Ma Lùng	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 06' 57"	104° 55' 03"					F-48-18-D
thôn Mỏ Sài	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 06' 36"	104° 57' 27"					F-48-18-D
xóm Mới	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 07' 23"	104° 56' 13"					F-48-18-D
thôn Thanh Long	DC	xã Thanh Vân	H. Quản Bạ	23° 04' 59"	104° 55' 58"					F-48-18-D
thôn Bản Thăng	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 02' 49"	104° 52' 35"					F-48-18-D
thôn Khố Mỷ	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 05' 46"	104° 53' 37"					F-48-18-D
xóm Kho Tàng	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 05' 07"	104° 53' 52"					F-48-18-D
thôn Lao Chải	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 01' 38"	104° 52' 13"					F-48-18-D
thôn Lùng Chu Phìn	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 05' 05"	104° 54' 17"					F-48-18-D
thôn Lùng Khố	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 03' 44"	104° 55' 36"					F-48-18-D
thôn Pao Mã Phìn	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 03' 06"	104° 55' 23"					F-48-18-D
thôn Sì Lầu Phìn	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 06' 20"	104° 53' 55"					F-48-18-D
thôn Tùng Pàng	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 05' 24"	104° 55' 20"					F-48-18-D
thôn Tùng Vài Phìn	DC	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 03' 27"	104° 54' 22"					F-48-18-D
dãy Pờ Tao Vui	SV	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 04' 37"	104° 51' 56"					F-48-18-D
núi Sù Chú Phìn	SV	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 03' 29"	104° 49' 01"					F-48-18-D
núi Xùng Xỉn Lào Thàng	SV	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ	23° 05' 01"	104° 49' 19"					F-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Thăng	TV	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ			23° 03' 58"	104° 50' 16"	23° 03' 09"	104° 52' 55"	F-48-18-D
suối Sì Lầu Phìn	TV	xã Tùng Vài	H. Quản Bạ			23° 06' 26"	104° 54' 36"	23° 07' 02"	104° 54' 18"	F-48-18-D
thôn Bản Măng	DC	xã Bản Rịa	H. Quang Bình	22° 27' 29"	104° 28' 37"					F-48-41-B
thôn Bản Rịa	DC	xã Bản Rịa	H. Quang Bình	22° 26' 39"	104° 29' 16"					F-48-41-B
thôn Bản Thín	DC	xã Bản Rịa	H. Quang Bình	22° 26' 14"	104° 30' 19"					F-48-42-A
xóm Nà Búng	DC	xã Bản Rịa	H. Quang Bình	22° 27' 24"	104° 30' 17"					F-48-42-A
thôn Nặm Khẳm	DC	xã Bản Rịa	H. Quang Bình	22° 26' 01"	104° 30' 23"					F-48-42-A
suối Bản Rịa	TV	xã Bản Rịa	H. Quang Bình			22° 27' 24"	104° 29' 13"	22° 25' 39"	104° 28' 59"	F-48-41-B
suối Bản Thín	TV	xã Bản Rịa	H. Quang Bình			22° 27' 02"	104° 30' 11"	22° 26' 09"	104° 30' 11"	F-48-42-A
suối Nậm Măng	TV	xã Bản Rịa	H. Quang Bình			22° 27' 18"	104° 28' 26"	22° 25' 53"	104° 28' 03"	F-48-41-B
nậm Thín	TV	xã Bản Rịa	H. Quang Bình			22° 26' 19"	104° 30' 45"	22° 25' 45"	104° 28' 32"	F-48-42-A F-48-41-B
khau Ma Quỷnh	KX	xã Bản Rịa	H. Quang Bình	22° 27' 49"	104° 30' 32"					F-48-42-A
xóm Ắng Luồng	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 33"	104° 39' 29"					F-48-42-A
xóm Hạ 1	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 21"	104° 40' 47"					F-48-42-A
xóm Hạ 2	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 21' 45"	104° 40' 44"					F-48-42-A
thôn Khun	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 20' 37"	104° 36' 59"					F-48-42-A
xóm Khun Hăng	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 02"	104° 39' 30"					F-48-42-A
xóm Khuổi Bắc	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 09"	104° 35' 51"					F-48-42-A
xóm Khuổi Pồi	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 23' 25"	104° 37' 53"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Thè	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 49"	104° 38' 43"					F-48-42-A
xóm Khuổi Xỏm	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 23' 30"	104° 37' 15"					F-48-42-A
xóm Nậm Mòn	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 23' 07"	104° 36' 25"					F-48-42-A
xóm Pá Van	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 59"	104° 37' 59"					F-48-42-A
thôn Thượng	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 23' 05"	104° 36' 47"					F-48-42-A
thôn Thượng Bằng	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 22' 25"	104° 37' 43"					F-48-42-A
thôn Tiên Yên	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 21' 41"	104° 35' 13"					F-48-42-A
thôn Trung	DC	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 21' 54"	104° 38' 14"					F-48-42-A
núi Khau Bôn	SV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình	22° 21' 22"	104° 34' 03"					F-48-42-A
khuổi Bốc	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 21' 20"	104° 34' 43"	22° 23' 00"	104° 36' 43"	F-48-42-A
ngòi Giang	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 20' 56"	104° 36' 25"	22° 22' 43"	104° 42' 07"	F-48-42-A
suối Khuổi Toàn	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 21' 28"	104° 40' 55"	22° 22' 03"	104° 41' 01"	F-48-42-A
Nặm Lịa	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 20' 58"	104° 38' 06"	22° 22' 00"	104° 38' 19"	F-48-42-A
Nặm Mưng	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 23' 00"	104° 36' 43"	22° 24' 37"	104° 37' 44"	F-48-42-A
Nặm Mừng	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 22' 22"	104° 34' 27"	22° 23' 00"	104° 36' 43"	F-48-42-A
khuổi Puộc	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 21' 18"	104° 38' 36"	22° 21' 58"	104° 38' 30"	F-48-42-A
khuổi Thè	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 22' 39"	104° 38' 44"	22° 22' 05"	104° 38' 52"	F-48-42-A
khuổi Van	TV	xã Bằng Lang	H. Quang Bình			22° 21' 53"	104° 36' 43"	22° 22' 05"	104° 38' 06"	F-48-42-A
thôn Buông	DC	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 18' 14"	104° 45' 02"					F-48-42-B
làng Buông	DC	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 19' 17"	104° 44' 46"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nghè	DC	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 20' 47"	104° 45' 32"					F-48-42-B
thôn Sơn Đông	DC	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 20' 23"	104° 46' 37"					F-48-42-B
thôn Sơn Thành	DC	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 21' 22"	104° 46' 11"					F-48-42-B
pù Co Có	SV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 19' 13"	104° 44' 04"					F-48-42-A
núi Khau Đăm	SV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 20' 33"	104° 44' 20"					F-48-42-A
núi Khau Én	SV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 16' 50"	104° 44' 11"					F-48-42-A
pù Khuổi Ngà	SV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình	22° 20' 49"	104° 46' 41"					F-48-42-B
sông Con	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 21' 41"	104° 45' 07"	22° 20' 26"	104° 47' 20"	F-48-42-B
khuổi Đáp	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 17' 06"	104° 45' 14"	22° 18' 29"	104° 44' 37"	F-48-42-B F-48-42-A
ngòi Luông	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 18' 22"	104° 44' 22"	22° 21' 33"	104° 44' 55"	F-48-42-A
khuổi Luông	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 19' 10"	104° 45' 42"	22° 19' 21"	104° 44' 53"	F-48-42-B F-48-42-A
suối Nghề	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 20' 45"	104° 45' 24"	22° 20' 47"	104° 45' 01"	F-48-42-B
khuổi Niềng	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 20' 09"	104° 46' 02"	22° 20' 26"	104° 47' 18"	F-48-42-B
khuổi Riêng	TV	xã Hương Sơn	H. Quang Bình			22° 18' 31"	104° 46' 15"	22° 19' 13"	104° 45' 15"	F-48-42-B
thôn Nà Béng	DC	xã Nà Khương	H. Quang Bình	22° 15' 25"	104° 33' 11"					F-48-42-A
thôn Nậm Mang	DC	xã Nà Khương	H. Quang Bình	22° 18' 28"	104° 35' 31"					F-48-42-A
núi Già Nàng	SV	xã Nà Khương	H. Quang Bình	22° 18' 32"	104° 34' 48"					F-48-42-A
núi Mò Đoỏng	SV	xã Nà Khương	H. Quang Bình	22° 15' 08"	104° 34' 58"					F-48-42-A
núi Tùng Cum	SV	xã Nà Khương	H. Quang Bình	22° 15' 41"	104° 33' 47"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Làng Ái	TV	xã Nà Khương	H. Quang Bình			22° 16' 26"	104° 32' 46"	22° 15' 34"	104° 33' 09"	F-48-42-A
suối Lùng Vĩ	TV	xã Nà Khương	H. Quang Bình			22° 16' 30"	104° 34' 43"	22° 16' 08"	104° 33' 56"	F-48-42-A
suối Thâu	TV	xã Nà Khương	H. Quang Bình			22° 18' 28"	104° 35' 47"	22° 14' 34"	104° 33' 12"	F-48-42-A F-48-42-C
đội 9	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 25' 20"	104° 39' 23"					F-48-42-A
thôn Bạc Nang	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 51"	104° 39' 03"					F-48-42-A
thôn Lủ Hạ	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 30"	104° 41' 34"					F-48-42-A
thôn Lủ Thượng	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 25' 00"	104° 40' 58"					F-48-42-A
xóm Ma	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 54"	104° 41' 13"					F-48-42-A
thôn My Bắc	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 53"	104° 41' 42"					F-48-42-A
thôn Nà Đông	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 26"	104° 40' 44"					F-48-42-A
thôn Nậm Khẩm	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 25' 30"	104° 39' 46"					F-48-42-A
thôn Nậm O	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 25' 11"	104° 40' 40"					F-48-42-A
thôn Nuông	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 47"	104° 42' 07"					F-48-42-A
thôn Tân Bang	DC	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 24' 26"	104° 42' 31"					F-48-42-A
núi Đồn Đèn	SV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 23' 56"	104° 38' 38"					F-48-42-A
núi Khối Thè	SV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 23' 11"	104° 40' 02"					F-48-42-A
pù Khuổi Bồi	SV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 23' 33"	104° 39' 09"					F-48-42-A
pù Nậm Khẩm	SV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình	22° 27' 40"	104° 40' 43"					F-48-42-A
sông Bạc	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 27' 16"	104° 43' 24"	22° 23' 21"	104° 42' 49"	F-48-42-A
suối Chừng	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 26' 43"	104° 38' 56"	22° 24' 52"	104° 38' 52"	F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Con	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 24' 49"	104° 38' 52"	22° 23' 19"	104° 42' 18"	F-48-42-A
suối Đú	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 26' 45"	104° 41' 17"	22° 25' 05"	104° 41' 03"	F-48-42-A
suối Đư	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 25' 05"	104° 41' 03"	22° 24' 09"	104° 41' 20"	F-48-42-A
suối Han	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 22' 43"	104° 42' 07"	22° 23' 18"	104° 42' 18"	F-48-42-A
suối Nậm Khẩm	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 26' 28"	104° 40' 25"	22° 25' 13"	104° 39' 11"	F-48-42-A
suối Pịt	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 22' 55"	104° 40' 55"	22° 23' 18"	104° 42' 12"	F-48-42-A
suối Pịt Lớn	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 23' 33"	104° 40' 51"	22° 23' 56"	104° 41' 00"	F-48-42-A
suối Thè	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 23' 39"	104° 40' 27"	22° 24' 08"	104° 40' 40"	F-48-42-A
suối Vàng My	TV	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 24' 03"	104° 39' 28"	22° 24' 29"	104° 39' 38"	F-48-42-A
quốc lộ 279	KX	xã Tân Bắc	H. Quang Bình			22° 24' 55"	104° 42' 49"	22° 25' 17"	104° 39' 02"	F-48-42-A
khu Đông Quạng	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 27' 53"	104° 34' 15"					F-48-42-A
thôn Khau Làng	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 26' 57"	104° 34' 56"					F-48-42-A
khu Khuổi Sú	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 12"	104° 34' 40"					F-48-42-A
thôn Lùng Chún	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 25"	104° 35' 01"					F-48-42-A
thôn Minh Hạ	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 27' 35"	104° 35' 05"					F-48-42-A
thôn Nà Đát	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 18"	104° 33' 35"					F-48-42-A
khu Nà én	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 29"	104° 32' 06"					F-48-42-A
khu Nà Linh	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 34"	104° 33' 19"					F-48-42-A
thôn Nà Mèo	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 53"	104° 34' 19"					F-48-42-A
thôn Nà Vài	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 29' 38"	104° 33' 19"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Ngoa	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 27' 33"	104° 36' 17"					F-48-42-A
thôn Nặm Phiến	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 30' 16"	104° 35' 13"					F-48-30-C
khu Nậm Pú 2	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 29' 12"	104° 35' 09"					F-48-42-A
thôn Nậm Qua	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 30' 11"	104° 34' 44"					F-48-30-C
khu Nậm Tráng	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 27' 07"	104° 33' 59"					F-48-42-A
khu Ngòa Trên	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 25"	104° 37' 13"					F-48-42-A
khu Nhà Ngàn	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 28' 47"	104° 33' 18"					F-48-42-A
khu Nhà Nghĩa	DC	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 29' 51"	104° 33' 04"					F-48-42-A
núi Khau Én	SV	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 27' 59"	104° 31' 49"					F-48-42-A
núi Khau Làng	SV	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 27' 22"	104° 33' 31"					F-48-42-A
núi Khau Phạ	SV	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 31' 29"	104° 35' 15"					F-48-30-C
núi Phìn Hồ	SV	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 31' 16"	104° 37' 24"					F-48-30-C
dãy Phìn Hồ	SV	xã Tân Nam	H. Quang Bình	22° 32' 10"	104° 37' 20"					F-48-30-C
nậm Chún	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 31' 36"	104° 37' 02"	22° 29' 50"	104° 37' 34"	F-48-30-C F-48-42-A
khuổi Én	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 28' 23"	104° 32' 06"	22° 28' 51"	104° 33' 04"	F-48-42-A
nậm Luông	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 29' 42"	104° 32' 35"	22° 26' 50"	104° 36' 07"	F-48-42-A
suối Nậm Cháng	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 27' 29"	104° 32' 23"	22° 26' 59"	104° 35' 40"	F-48-42-A
nậm Ngoa	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 28' 47"	104° 37' 59"	22° 26' 51"	104° 36' 06"	F-48-42-A
nậm Phiên	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 30' 11"	104° 33' 22"	22° 29' 37"	104° 32' 38"	F-48-30-C F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Pú	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 31' 36"	104° 36' 12"	22° 28' 34"	104° 35' 58"	F-48-30-C F-48-42-A
nậm Qua	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 30' 06"	104° 34' 14"	22° 28' 22"	104° 34' 59"	F-48-30-C F-48-42-A
nậm Thàng	TV	xã Tân Nam	H. Quang Bình			22° 29' 50"	104° 37' 34"	22° 28' 17"	104° 35' 06"	F-48-42-A
khu Bắc Bung Động	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 32"	104° 43' 22"					F-48-42-A
làng Đang	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 06"	104° 45' 40"					F-48-42-B
làng Mã	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 31"	104° 45' 11"					F-48-42-B
thôn Mác Hạ	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 28"	104° 45' 25"					F-48-42-B
thôn Mác Thượng	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 36"	104° 44' 48"					F-48-42-A
thôn Ngòi Ham	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 23"	104° 43' 17"					F-48-42-A
thôn Ngòi Han	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 13"	104° 42' 35"					F-48-42-A
thôn Tả Ngảo	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 59"	104° 43' 10"					F-48-42-A
thôn Tân Bang	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 13"	104° 44' 02"					F-48-42-A
thôn Tân Bình	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 56"	104° 44' 34"					F-48-42-A
thôn Tân Chang	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 20"	104° 44' 15"					F-48-42-A
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 29"	104° 44' 06"					F-48-42-A
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 51"	104° 43' 22"					F-48-42-A
thôn Tân Tiến	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 23' 38"	104° 44' 46"					F-48-42-A
thôn Vén	DC	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình	22° 24' 12"	104° 44' 21"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bạc	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 27' 16"	104° 43' 24"	22° 23' 21"	104° 42' 49"	F-48-42-A
sông Con	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 23' 19"	104° 42' 18"	22° 22' 44"	104° 44' 54"	F-48-42-A
suối Nậm Hang	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 25' 46"	104° 45' 00"	22° 25' 00"	104° 45' 38"	F-48-42-B
suối Nậm Mác	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 24' 30"	104° 44' 25"	22° 23' 58"	104° 45' 02"	F-48-42-A F-48-42-B
suối Nậm Mác	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 27' 05"	104° 46' 27"	22° 24' 41"	104° 45' 44"	F-48-42-B
suối Nậm Pậu	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 26' 14"	104° 43' 39"	22° 25' 09"	104° 42' 43"	F-48-42-A
suối Tả Ngảo	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 25' 07"	104° 43' 28"	22° 24' 10"	104° 42' 40"	F-48-42-A
suối Tân Trang	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 24' 21"	104° 43' 48"	22° 23' 40"	104° 44' 34"	F-48-42-A
ngòi Thủy	TV	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 24' 40"	104° 45' 52"	22° 23' 34"	104° 45' 00"	F-48-42-B
quốc lộ 279	KX	xã Tân Trịnh	H. Quang Bình			22° 24' 55"	104° 42' 49"	22° 25' 17"	104° 39' 02"	F-48-42A
thôn Cao Sơn	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 29' 44"	104° 40' 53"					F-48-42-A
khu Chăng Xé	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 29' 40"	104° 42' 48"					F-48-42-A
thôn Hạ Bình	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 29' 32"	104° 43' 15"					F-48-42-A
thôn Hoà Bình	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 29' 09"	104° 41' 57"					F-48-42-A
thôn Hồng Sơn	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 32' 03"	104° 41' 12"					F-48-30-C
khu Nậm Lào	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 29' 24"	104° 41' 46"					F-48-42-A
thôn Quang Sơn	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 30' 51"	104° 42' 44"					F-48-30-C
thôn Tân Tiến	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 30' 41"	104° 40' 57"					F-48-30-C
thôn Tây Sơn	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 31' 40"	104° 40' 30"					F-48-30-C
thôn Thượng Bình	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 29' 46"	104° 41' 14"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thường Minh	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 30' 27"	104° 40' 41"					F-48-30-C
thôn Trung Thành	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 32' 42"	104° 39' 34"					F-48-30-C
thôn Xuân Chiều	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 27' 22"	104° 38' 55"					F-48-42-A
thôn Xuân Hồng	DC	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 31' 16"	104° 42' 12"					F-48-30-C
núi Cô Tiên	SV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 33' 30"	104° 36' 59"					F-48-30-C
núi Nậm Ngoa	SV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 28' 12"	104° 38' 15"					F-48-42-A
núi Nậm Pé	SV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình	22° 32' 32"	104° 41' 42"					F-48-30-C
sông Bạc	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 29' 22"	104° 44' 03"	22° 27' 35"	104° 43' 20"	F-48-42-A
suối Bản Vèn	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 29' 38"	104° 40' 14"	22° 30' 52"	104° 42' 07"	F-48-42-A F-48-30-C
suối Chừng	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 28' 32"	104° 39' 16"	22° 26' 43"	104° 38' 56"	F-48-42-A
suối Con	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 26' 50"	104° 36' 07"			F-48-42-A
suối Khuổi Mả	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 27' 20"	104° 38' 25"	22° 26' 01"	104° 38' 01"	F-48-42-A
suối Nậm Hò	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 30' 55"	104° 39' 15"	22° 30' 31"	104° 40' 55"	F-48-30-C
suối Nậm Hóp	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 33' 48"	104° 37' 46"	22° 29' 22"	104° 44' 03"	F-48-30-C F-48-42-A
suối Nậm Pùi	TV	xã Tiên Nguyên	H. Quang Bình			22° 29' 24"	104° 42' 07"	22° 29' 47"	104° 43' 33"	F-48-42-A
thôn Buông	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 16' 45"	104° 40' 41"					F-48-42-A
thôn Kem	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 17' 10"	104° 41' 56"					F-48-42-A
thôn Tân Bể	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 16' 50"	104° 42' 34"					F-48-42-A
xóm Tiên Yên	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 17' 35"	104° 42' 24"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Chàm	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 18' 05"	104° 41' 58"					F-48-42-A
thôn Yên Chung	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 17' 58"	104° 41' 24"					F-48-42-A
thôn Yên Ngoan	DC	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 16' 53"	104° 43' 19"					F-48-42-A
núi Cui Cáp	SV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 16' 40"	104° 40' 06"					F-48-42-A
núi Khuổi Lịa	SV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 18' 48"	104° 43' 04"					F-48-42-A
núi Pù Tre	SV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 17' 14"	104° 42' 40"					F-48-42-A
núi Tham Choõng	SV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình	22° 16' 17"	104° 41' 18"					F-48-42-A
khe Buông	TV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình			22° 16' 50"	104° 40' 43"	22° 17' 39"	104° 43' 01"	F-48-42-A
khuổi Củng	TV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình			22° 17' 38"	104° 40' 41"	22° 17' 49"	104° 42' 52"	F-48-42-A
khe Luông Cuông	TV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình			22° 16' 22"	104° 41' 51"	22° 17' 25"	104° 42' 34"	F-48-42-A
khuổi Nọi	TV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình			22° 17' 19"	104° 43' 12"	22° 17' 49"	104° 42' 52"	F-48-42-A
khuổi Tho	TV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình			22° 17' 12"	104° 44' 09"	22° 18' 07"	104° 44' 00"	F-48-42-A
suối Tiên Yên	TV	xã Tiên Yên	H. Quang Bình			22° 17' 49"	104° 42' 52"	22° 18' 22"	104° 44' 22"	F-48-42-A
thôn Hạ	DC	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 15' 36"	104° 43' 42"					F-48-42-A
thôn Thượng	DC	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 16' 05"	104° 43' 12"					F-48-42-A
thôn Trung	DC	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 15' 57"	104° 43' 14"					F-48-42-A
thôn Trung Thành	DC	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 14' 51"	104° 43' 58"					F-48-42-C
thôn Yên Thượng	DC	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 12' 45"	104° 45' 17"					F-48-42-D
núi Khau Linh	SV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 13' 18"	104° 43' 28"					F-48-42-C
núi Khau Pù	SV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 15' 43"	104° 42' 21"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Loong Giàng	SV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 15' 20"	104° 43' 19"					F-48-42-A
núi Phéc Nam	SV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 14' 13"	104° 43' 45"					F-48-42-C
núi Vàng Anh	SV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 13' 08"	104° 45' 58"					F-48-42-D
suối Đon Quang	TV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình			22° 15' 32"	104° 44' 00"	22° 14' 55"	104° 44' 23"	F-48-42-A F-48-42-C
suối Khuổi Lò	TV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình			22° 14' 21"	104° 43' 37"	22° 12' 27"	104° 45' 31"	F-48-42-C F-48-42-D
suối Khuổi Mỳ	TV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình			22° 13' 41"	104° 44' 23"	22° 14' 08"	104° 44' 38"	F-48-42-C
suối Loong Giàng	TV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình			22° 15' 15"	104° 43' 24"	22° 14' 44"	104° 44' 29"	F-48-42-A F-48-42-C
suối Pắc Cung	TV	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình			22° 16' 11"	104° 42' 48"	22° 15' 32"	104° 44' 00"	F-48-42-A
đập Tạng Tát	KX	xã Vĩ Thượng	H. Quang Bình	22° 14' 22"	104° 43' 51"					F-48-42-C
xóm Nà Khum	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 18' 42"	104° 40' 38"					F-48-42-A
xóm Nà Pài	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 19' 41"	104° 39' 37"					F-48-42-A
thôn Quyền	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 18' 56"	104° 39' 21"					F-48-42-A
thôn Tát	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 19' 27"	104° 37' 04"					F-48-42-A
thôn Then	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 17' 58"	104° 38' 55"					F-48-42-A
thôn Trì	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 20' 33"	104° 38' 42"					F-48-42-A
thôn Xuân Chang	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 19' 18"	104° 40' 01"					F-48-42-A
thôn Xuân Kiêu	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 19' 37"	104° 39' 12"					F-48-42-A
thôn Xuân Mới	DC	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 18' 58"	104° 40' 22"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Khà	SV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 19' 49"	104° 38' 15"					F-48-42-A
núi Pou Khau Pieo	SV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 17' 53"	104° 40' 04"					F-48-42-A
núi Tham Kha	SV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 17' 42"	104° 36' 28"					F-48-42-A
ngòi Giang	TV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình			22° 18' 10"	104° 38' 54"	22° 19' 24"	104° 42' 56"	F-48-42-A
hồ Lãi Quáng	TV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình	22° 21' 00"	104° 38' 51"					F-48-42-A
suối Năm Rèm	TV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình			22° 18' 46"	104° 42' 45"	22° 19' 22"	104° 42' 40"	F-48-42-A
suối Ngòi Chì	TV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình			22° 18' 58"	104° 36' 33"	22° 20' 35"	104° 38' 51"	F-48-42-A
suối Tát Và	TV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình			22° 16' 59"	104° 39' 41"	22° 18' 10"	104° 38' 54"	F-48-42-A
suối Thúng Lay	TV	xã Xuân Giang	H. Quang Bình			22° 17' 57"	104° 37' 07"	22° 18' 10"	104° 38' 54"	F-48-42-A
thôn Bắc Pèng	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 30' 41"	104° 45' 15"					F-48-30-D
thôn Lang Cang	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 29' 02"	104° 46' 04"					F-48-42-B
xóm Lang Gang	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 32' 51"	104° 46' 54"					F-48-30-D
thôn Lùng Lý	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 27' 25"	104° 43' 25"					F-48-42-A
thôn Minh Sơn	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 31' 30"	104° 44' 20"					F-48-30-C
thôn Minh Tiến	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 28' 29"	104° 44' 30"					F-48-42-A
thôn Nậm Chàng	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 31' 55"	104° 45' 21"					F-48-30-D
thôn Nậm On	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 32' 13"	104° 44' 27"					F-48-30-C
xóm Phây Trì	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 28' 50"	104° 46' 29"					F-48-42-B
thôn Phìn Trái	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 32' 44"	104° 45' 36"					F-48-30-D
thôn Sơn Quang	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 32' 03"	104° 42' 19"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 33' 14"	104° 45' 59"					F-48-30-D
núi Bắc Pèng	SV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 27' 59"	104° 46' 46"					F-48-42-B
núi Sơn Quang	SV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình	22° 32' 04"	104° 42' 51"					F-48-30-C
suối Bắc Pèng	TV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình			22° 28' 54"	104° 46' 29"	22° 29' 22"	104° 44' 04"	F-48-42-B F-48-42-A
suối Bản Giàng	TV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình			22° 31' 22"	104° 43' 57"	22° 30' 12"	104° 43' 24"	F-48-30-C
suối Khệ	TV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình			22° 27' 54"	104° 44' 54"	22° 28' 08"	104° 43' 46"	F-48-42-A
suối Nậm Chàng	TV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình			22° 31' 54"	104° 45' 23"	22° 31' 22"	104° 43' 57"	F-48-30-D F-48-30-C
suối Nậm Hóp	TV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình			22° 30' 11"	104° 43' 24"	22° 29' 22"	104° 44' 03"	F-48-42-A F-48-30-C
suối thông Nguyên	TV	xã Xuân Minh	H. Quang Bình			22° 33' 04"	104° 44' 24"	22° 31' 22"	104° 43' 57"	F-48-30-C
thôn Bản Yên	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 03"	104° 35' 32"					F-48-42-A
thôn Hạ Sơn	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 25' 14"	104° 34' 39"					F-48-42-A
thôn Khuổi Khay	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 22' 03"	104° 42' 23"					F-48-42-A
thôn Luổng	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 18"	104° 34' 32"					F-48-42-A
thôn Nà Lầu	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 26"	104° 34' 36"					F-48-42-A
xóm Nà Lỳ	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 17"	104° 34' 38"					F-48-42-A
thôn Nà Rại	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 23' 42"	104° 35' 15"					F-48-42-A
xóm Pác Luông	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 25' 14"	104° 39' 02"					F-48-42-A
xóm Phố Chừng	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 25' 14"	104° 38' 03"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phố Mới	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 50"	104° 35' 18"					F-48-42-A
thôn Rịa	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 48"	104° 35' 57"					F-48-42-A
thôn Tân An	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 25' 12"	104° 36' 45"					F-48-42-A
thôn Tân Bình	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 25' 20"	104° 38' 19"					F-48-42-A
thôn Yên Trung	DC	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 24' 26"	104° 35' 01"					F-48-42-A
núi Khao Thung	SV	xã Yên Bình	H. Quang Bình	22° 27' 21"	104° 31' 12"					F-48-42-A
suối Nặm Luổng	TV	xã Yên Bình	H. Quang Bình			22° 22' 33"	104° 33' 55"	22° 24' 47"	104° 35' 13"	F-48-42-A
suối Nặm Pio	TV	xã Yên Bình	H. Quang Bình			22° 25' 43"	104° 35' 38"	22° 24' 48"	104° 35' 28"	F-48-42-A
suối Nặm Re	TV	xã Yên Bình	H. Quang Bình			22° 24' 44"	104° 34' 25"	22° 25' 01"	104° 38' 31"	F-48-42-A
xóm Keo Mán	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 19"	104° 39' 47"					F-48-42-A
thôn Khuổi Cuốm	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 09"	104° 41' 45"					F-48-42-A
xóm Khuổi Mùi	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 37"	104° 44' 27"					F-48-42-A
thôn Tân Tràng	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 46"	104° 41' 55"					F-48-42-A
xóm Thôm Loong	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 17"	104° 40' 50"					F-48-42-A
xóm Tràng Hạ	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 20"	104° 43' 32"					F-48-42-A
xóm Tràng Hát	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 29"	104° 44' 21"					F-48-42-A
thôn Tràng Mới	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 31"	104° 41' 00"					F-48-42-A
thôn Tràng Sát	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 04"	104° 43' 29"					F-48-42-A
thôn Tràng Thẳm	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 46"	104° 42' 41"					F-48-42-A
thôn Trung Thành	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 14"	104° 41' 52"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Phú	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 21' 09"	104° 40' 09"					F-48-42-A
thôn Yên Phú	DC	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 36"	104° 39' 16"					F-48-42-A
núi Khau Khao	SV	xã Yên Hà	H. Quang Bình	22° 20' 08"	104° 39' 28"					F-48-42-A
suối Cạt	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 22' 27"	104° 44' 17"	22° 21' 51"	104° 45' 09"	F-48-42-A F-48-42-B
khuổi Cuộm	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 21' 12"	104° 41' 00"	22° 20' 48"	104° 42' 57"	F-48-42-A
khuổi Luông	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 20' 01"	104° 42' 53"	22° 21' 14"	104° 43' 37"	F-48-42-A
suối Miệc	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 21' 31"	104° 42' 22"	22° 21' 14"	104° 43' 37"	F-48-42-A
khuổi Mui	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 22' 16"	104° 43' 27"	22° 21' 34"	104° 44' 27"	F-48-42-A
suối Tràng Thẳm	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 21' 14"	104° 43' 37"	22° 21' 42"	104° 45' 06"	F-48-42-A F-48-42-B
ngòi Trì	TV	xã Yên Hà	H. Quang Bình			22° 20' 35"	104° 38' 51"	22° 21' 50"	104° 39' 58"	F-48-42-A
thôn Đồng Tiến	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 06"	104° 33' 10"					F-48-42-A
làng Khao	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 41"	104° 32' 20"					F-48-42-A
thôn Nà Lày	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 45"	104° 33' 13"					F-48-42-A
thôn Nà Mới	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 26' 33"	104° 31' 47"					F-48-42-A
thôn Nặm Quà	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 29"	104° 30' 13"					F-48-42-A
thôn Pà Vầy Sủ	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 55"	104° 34' 59"					F-48-42-A
thôn Tân Tân Thượng	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 27' 33"	104° 31' 42"					F-48-42-A
thôn Thượng Bình	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 26' 21"	104° 33' 12"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thành	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 43"	104° 31' 00"					F-48-42-A
thôn Yên Thượng	DC	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 24' 59"	104° 32' 30"					F-48-42-A
đèo Bản Bó	SV	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 22' 54"	104° 32' 49"					F-48-42-A
núi Khao Đát	SV	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 27' 21"	104° 31' 12"					F-48-42-A
nậm Cháng	TV	xã Yên Thành	H. Quang Bình			22° 27' 12"	104° 31' 41"	22° 27' 10"	104° 32' 30"	F-48-42-A
nậm Khao	TV	xã Yên Thành	H. Quang Bình			22° 25' 54"	104° 32' 14"	22° 24' 56"	104° 32' 15"	F-48-42-A
nậm Mòn	TV	xã Yên Thành	H. Quang Bình			22° 26' 18"	104° 31' 22"	22° 24' 57"	104° 31' 40"	F-48-42-A
suối Nậm Tây	TV	xã Yên Thành	H. Quang Bình			22° 24' 56"	104° 30' 04"	22° 24' 40"	104° 33' 28"	F-48-42-A
nậm Rẽ	TV	xã Yên Thành	H. Quang Bình			22° 24' 40"	104° 33' 28"	22° 24' 48"	104° 33' 48"	F-48-42-A
khâu Ma Quỷnh	KX	xã Yên Thành	H. Quang Bình	22° 27' 49"	104° 30' 32"					F-48-42-A
tổ 1	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 38' 31"	104° 58' 37"					F-48-30-D
tổ 12	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 11"	104° 57' 56"					F-48-30-D
tổ 13	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 36' 39"	104° 58' 03"					F-48-30-D
tổ 2	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 38' 04"	104° 58' 08"					F-48-30-D
tổ 24	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 36' 43"	104° 56' 56"					F-48-30-D
tổ 3	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 38' 08"	104° 57' 33"					F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 4	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 57"	104° 57' 51"					F-48-30-D
tổ 5	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 40"	104° 57' 38"					F-48-30-D
tổ 6	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 27"	104° 57' 10"					F-48-30-D
tổ 7	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 40"	104° 57' 07"					F-48-30-D
tổ 8	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 29"	104° 56' 44"					F-48-30-D
tổ 9	DC	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 36' 55"	104° 56' 49"					F-48-30-D
suối Mý	TV	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên			22° 38' 59"	104° 57' 28"	22° 37' 27"	104° 57' 37"	F-48-30-D
công ty Cổ phần Chè Việt Lâm	KX	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 45"	104° 57' 50"					F-48-30-D
cầu Luông	KX	TT. Nông trường Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 38' 47"	104° 58' 44"					F-48-30-D
thôn Đông Cáp 1	DC	TT. Vị Xuyên	H. Vị Xuyên	22° 40' 26"	104° 58' 25"					F-48-30-D
thôn Đông Cáp 2	DC	TT. Vị Xuyên	H. Vị Xuyên	22° 40' 01"	104° 59' 09"					F-48-30-D
thôn Làng Vàng 1	DC	TT. Vị Xuyên	H. Vị Xuyên	22° 41' 22"	104° 58' 05"					F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Vàng 2	DC	TT. Vị Xuyên	H. Vị Xuyên	22° 40' 45"	104° 58' 26"					F-48-30-D
quốc lộ 2	KX	TT. Vị Xuyên	H. Vị Xuyên			22° 38' 47"	104° 58' 44"	22° 41' 27"	104° 58' 04"	F-48-30-D
xóm Chông Mang	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 31' 01"	105° 04' 04"					F-48-31-C
thôn Diếc	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 37' 14"	105° 02' 08"					F-48-31-C
thôn Khuổi Dò	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 31' 29"	105° 04' 28"					F-48-31-C
xóm Khuổi Khây	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 34' 10"	105° 01' 08"					F-48-31-C
xóm Khuổi Thổ	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 33' 15"	105° 00' 18"					F-48-31-C
thôn Khuổi Vài	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 35' 22"	105° 00' 37"					F-48-31-C
thôn Minh Thành	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 35' 30"	105° 03' 36"					F-48-31-C
thôn Mường	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 35' 25"	105° 02' 03"					F-48-31-C
thôn Ngọc Bình	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 36' 34"	105° 02' 03"					F-48-31-C
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 34' 11"	105° 01' 52"					F-48-31-C
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 33' 51"	105° 05' 18"					F-48-31-C
thôn Phai	DC	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 35' 52"	105° 01' 59"					F-48-31-C
núi Đồn Chính	SV	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 36' 48"	105° 04' 43"					F-48-31-C
núi Phia Phước	SV	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên	22° 36' 17"	105° 02' 22"					F-48-31-C
suối Khuổi Khây	TV	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên			22° 32' 06"	105° 00' 17"	22° 32' 58"	105° 01' 03"	F-48-31-C
suối Khuổi Thổ	TV	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên			22° 33' 03"	105° 00' 15"	22° 32' 58"	105° 01' 03"	F-48-31-C
suối Nặm Khá	TV	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên			22° 33' 15"	105° 06' 18"	22° 34' 49"	105° 02' 27"	F-48-31-C
suối Xảo	TV	xã Bạch Ngọc	H. Vị Xuyên			22° 37' 35"	105° 02' 03"	22° 33' 32"	105° 01' 33"	F-48-31-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chất Tiền	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 44' 56"	104° 55' 07"					F-48-30-D
thôn Gia Tuyến	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 45' 32"	104° 56' 42"					F-48-30-B
thôn Khuổi Luông	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 45' 54"	104° 55' 43"					F-48-30-B
thôn Lùng Tao	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 46' 10"	104° 51' 34"					F-48-30-B
thôn Tát Khao	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 44' 38"	104° 53' 15"					F-48-30-D
thôn Thác Hùng	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 45' 47"	104° 54' 42"					F-48-30-B
thôn Thác Tăng	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 44' 36"	104° 53' 55"					F-48-30-D
thôn Thác Tậu	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 45' 10"	104° 53' 51"					F-48-30-B
thôn Tham Vè	DC	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 45' 22"	104° 52' 07"					F-48-30-B
núi Giàng Can	SV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 47' 33"	104° 53' 01"					F-48-30-B
dãy Giàng Can	SV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 47' 34"	104° 53' 48"					F-48-30-B
núi Sà Po	SV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên	22° 48' 15"	104° 50' 14"					F-48-30-B
suối Bà Kéo	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 45' 48"	104° 50' 08"	22° 45' 50"	104° 51' 52"	F-48-30-B
suối Cự Sâu	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 47' 23"	104° 48' 41"	22° 45' 38"	104° 52' 09"	F-48-30-B
suối Lũng Tao	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 47' 14"	104° 53' 07"	22° 45' 50"	104° 52' 36"	F-48-30-B
suối Nậm Ma	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 45' 38"	104° 52' 09"	22° 43' 56"	104° 57' 02"	F-48-30-B
suối Tả Nhe	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 45' 50"	104° 52' 36"	22° 45' 31"	104° 52' 20"	F-48-30-B
suối Thâm Còn	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 43' 44"	104° 55' 18"	22° 44' 19"	104° 56' 48"	F-48-30-D
suối Tùng Cây	TV	xã Cao Bồ	H. Vị Xuyên			22° 46' 22"	104° 54' 12"	22° 45' 10"	104° 55' 06"	F-48-30-B
thôn Bản Bang	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 44' 40"	104° 59' 12"					F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bình Vàng	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 43' 33"	104° 58' 48"					F-48-30-D
thôn Độc Lập	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 44' 33"	104° 58' 48"					F-48-30-D
thôn Đức Thành	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 42' 08"	104° 57' 49"					F-48-30-D
thôn Hợp Thành	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 45' 21"	104° 59' 39"					F-48-30-B
thôn Làng Cúng	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 44' 58"	104° 59' 22"					F-48-30-D
thôn Làng Khẻn	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 41' 30"	104° 58' 04"					F-48-30-D
thôn Làng Má	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 44' 08"	104° 57' 41"					F-48-30-D
thôn Làng Mới	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 42' 43"	104° 58' 31"					F-48-30-D
thôn Làng Nùng	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 45' 52"	104° 59' 50"					F-48-30-B
thôn Làng Trần	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 42' 21"	104° 58' 48"					F-48-30-D
thôn Phúng Khiếu	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 45' 51"	104° 59' 04"					F-48-30-B
thôn Tân Đức	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 46' 26"	105° 00' 02"					F-48-31-A
thôn Tân Tiến	DC	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 43' 54"	104° 58' 34"					F-48-30-D
núi Cốc Pó	SV	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 45' 23"	104° 58' 05"					F-48-30-B
núi Pù Đén	SV	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 45' 19"	104° 57' 26"					F-48-30-B
sông Lô	TV	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên			22° 47' 17"	104° 59' 28"	22° 41' 29"	104° 58' 29"	F-48-30-B F-48-30-D
suối Nậm Má	TV	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên			22° 43' 56"	104° 57' 02"	22° 43' 08"	104° 58' 05"	F-48-30-D
suối Ngầm	TV	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên			22° 44' 40"	104° 58' 06"	22° 43' 37"	104° 57' 37"	F-48-30-D
quốc lộ 2	KX	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên			22° 41' 27"	104° 58' 04"	22° 47' 18"	104° 59' 26"	F-48-30-D F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà máy Gạch tuynen Vị Xuyên	KX	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 41' 36"	104° 58' 11"					F-48-30-D
cầu Má	KX	xã Đạo Đức	H. Vị Xuyên	22° 43' 08"	104° 58' 04"					F-48-30-D
thôn Bản Lầu	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 45' 32"	105° 04' 58"					F-48-31-A
thôn Bản Mạ	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 44' 37"	105° 05' 13"					F-48-31-C
thôn Bản Ngàn	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 45' 48"	105° 03' 26"					F-48-31-A
thôn Đán Dầu	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 46' 30"	105° 05' 04"					F-48-31-A
thôn Khuổi Liềng	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 44' 23"	105° 07' 05"					F-48-31-C
thôn Nà Pồng	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 43' 56"	105° 05' 15"					F-48-31-C
thôn Nà Pù	DC	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên	22° 43' 24"	105° 06' 24"					F-48-31-C
suối Bản Mạ	TV	xã Kim Linh	H. Vị Xuyên			22° 46' 00"	105° 05' 13"	22° 43' 34"	105° 04' 48"	F-48-31-A F-48-31-C
thôn Bản Chung	DC	xã Kim Thạch	H. Vị Xuyên	22° 48' 02"	105° 01' 05"					F-48-31-A
thôn Bản Thẳm	DC	xã Kim Thạch	H. Vị Xuyên	22° 47' 21"	105° 02' 15"					F-48-31-A
dốc Ba khoanh	SV	xã Kim Thạch	H. Vị Xuyên	22° 48' 15"	105° 00' 29"					F-48-31-A
khau Kén	SV	xã Kim Thạch	H. Vị Xuyên	22° 48' 39"	105° 01' 15"					F-48-31-A
núi Khuổi Vầu	SV	xã Kim Thạch	H. Vị Xuyên	22° 48' 16"	105° 03' 43"					F-48-31-A
núi Mỏ Neo	SV	xã Kim Thạch	H. Vị Xuyên	22° 48' 28"	105° 00' 21"					F-48-31-A
thôn Bản Phùng	DC	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên	22° 50' 16"	104° 45' 59"					F-48-30-B
thôn Cáo Sào	DC	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên	22° 50' 42"	104° 46' 39"					F-48-30-B
thôn Lùng Chư Phùng	DC	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên	22° 51' 03"	104° 46' 03"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngài Là Thầu	DC	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên	22° 51' 13"	104° 47' 37"					F-48-30-B
núi Giàng Hồ Thầu	SV	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên	22° 50' 17"	104° 47' 16"					F-48-30-B
đồi Hát	SV	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên	22° 49' 50"	104° 48' 10"					F-48-30-B
suối Lạng Tỉnh	TV	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên			22° 51' 00"	104° 44' 24"	22° 50' 20"	104° 45' 48"	F-48-30-A F-48-30-B
suối Sáng Sủa Hù	TV	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên			22° 50' 07"	104° 47' 54"	22° 51' 53"	104° 48' 13"	F-48-30-B
suối Thanh Thủy	TV	xã Lao Chải	H. Vị Xuyên			22° 48' 42"	104° 45' 20"	22° 51' 12"	104° 46' 47"	F-48-30-B
bản Buổng	DC	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 43' 42"	105° 02' 54"					F-48-31-C
thôn Lũng Chang	DC	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 41' 08"	105° 05' 06"					F-48-31-C
thôn Nà Pồng	DC	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 42' 52"	105° 01' 53"					F-48-31-C
thôn Nà Trà	DC	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 42' 33"	105° 04' 02"					F-48-31-C
bản Vai	DC	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 42' 26"	105° 02' 33"					F-48-31-C
thôn Xuân Phong	DC	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 41' 30"	105° 03' 24"					F-48-31-C
núi Nùng Thuổng	SV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 42' 37"	105° 05' 43"					F-48-31-C
dãy Pù Khà	SV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 41' 42"	105° 00' 59"					F-48-31-C
núi Pù Khâu Pà	SV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 43' 56"	105° 01' 34"					F-48-31-C
núi Thải Sàng Phìn	SV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên	22° 43' 33"	105° 08' 09"					F-48-31-C
suối Bản Vai	TV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên			22° 44' 03"	105° 02' 39"	22° 41' 05"	105° 02' 05"	F-48-31-C
suối Nặm Thuổng	TV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên			22° 43' 33"	105° 08' 01"	22° 42' 07"	105° 06' 59"	F-48-31-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Xuân Phong	TV	xã Linh Hồ	H. Vị Xuyên			22° 42' 07"	105° 06' 59"	22° 41' 04"	105° 02' 05"	F-48-31-C
thôn Bản Hình	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 56"	104° 55' 38"					F-48-30-B
thôn Bản Phố	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 58' 55"	104° 57' 25"					F-48-30-B
xóm Cốc Trẻng	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 47"	104° 57' 20"					F-48-30-B
thôn Hoàng Nỳ Pả	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 55' 50"	104° 53' 20"					F-48-30-B
xóm Khuổi Mạn	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 47"	104° 54' 19"					F-48-30-B
xóm Lò Suối Tủng	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	23° 01' 02"	104° 53' 14"					F-48-18-D
thôn Mã Hoàng Phìn	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 58' 36"	104° 51' 57"					F-48-30-B
thôn Ngài Trồ	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 51"	104° 58' 04"					F-48-30-B
thôn Pắc Sum	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 57' 40"	104° 56' 46"					F-48-30-B
xóm Pắc Tà	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 55' 29"	104° 56' 18"					F-48-30-B
thôn Phìn Sảng	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 59' 12"	104° 52' 59"					F-48-30-B
thôn Tả Lèng	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 58' 15"	104° 55' 09"					F-48-30-B
thôn Tân Sơn	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 58' 55"	104° 55' 54"					F-48-30-B
xóm Tham Luồng	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 59' 31"	104° 55' 16"					F-48-30-B
xóm Thèn Ván	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	23° 01' 15"	104° 54' 08"					F-48-18-D
thôn Thượng Lâm	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 58' 05"	104° 55' 49"					F-48-30-B
xóm Xì Cà Lá	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 57"	104° 52' 54"					F-48-30-B
thôn Xín Chải	DC	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 02"	104° 58' 31"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Bắc Sum	SV	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 59' 50"	104° 56' 21"					F-48-30-B
núi Đản Đeng	SV	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 54' 43"	104° 54' 27"					F-48-30-B
núi Phu Hán	SV	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên	22° 56' 56"	104° 51' 51"					F-48-30-B
suối Bản Hình	TV	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên			22° 58' 57"	104° 53' 39"	22° 55' 21"	104° 56' 45"	F-48-30-B
suối Pắc Tà	TV	xã Minh Tân	H. Vị Xuyên			22° 59' 11"	104° 52' 15"	22° 57' 25"	104° 53' 37"	F-48-30-B
thôn Đội 5	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 37' 45"	104° 59' 02"					F-48-30-D
thôn Khuổi Khà	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 40' 04"	105° 01' 30"					F-48-31-C
thôn Khuổi Vài	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 40' 56"	105° 01' 03"					F-48-31-C
thôn Lăng Mu	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 38' 51"	105° 02' 41"					F-48-31-C
thôn Nà Qua	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 40' 52"	105° 01' 42"					F-48-31-C
thôn Nậm Đăm	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 39' 21"	105° 01' 58"					F-48-31-C
thôn Nậm Nhùng	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 38' 05"	105° 01' 13"					F-48-31-C
thôn Nậm Thanh	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 39' 53"	105° 00' 18"					F-48-31-C
thôn Ngọc Hà	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 38' 35"	104° 58' 55"					F-48-30-D
thôn Ngọc Quang	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 37' 25"	105° 00' 01"					F-48-31-C
thôn Ngọc Thượng	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 38' 32"	105° 00' 25"					F-48-31-C
thôn Tân Lập	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 40' 13"	105° 00' 18"					F-48-31-C
thôn Tân Phong	DC	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên	22° 40' 48"	105° 02' 22"					F-48-31-C
suối Khuổi Toỏng	TV	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên			22° 37' 21"	105° 01' 05"	22° 37' 49"	105° 02' 04"	F-48-31-C
sông Lô	TV	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên			22° 40' 07"	104° 59' 19"	22° 37' 45"	104° 58' 05"	F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Long Đeng	TV	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên			22° 38' 52"	105° 01' 32"	22° 39' 13"	104° 59' 24"	F-48-31-C F-48-30-D
suối Nậm Dầu	TV	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên			22° 41' 04"	105° 02' 05"	22° 39' 58"	104° 59' 42"	F-48-31-C F-48-30-D
suối Xảo	TV	xã Ngọc Linh	H. Vị Xuyên			22° 38' 51"	105° 03' 26"	22° 37' 49"	105° 02' 04"	F-48-31-C
thôn Bản Sám	DC	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên	22° 37' 23"	105° 05' 52"					F-48-31-C
thôn Pạu	DC	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên	22° 36' 02"	105° 06' 39"					F-48-31-C
thôn Riềng	DC	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên	22° 37' 07"	105° 06' 31"					F-48-31-C
thôn Tân Bình	DC	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên	22° 38' 48"	105° 04' 15"					F-48-31-C
thôn Tiến Thành	DC	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên	22° 38' 17"	105° 05' 13"					F-48-31-C
thôn Toòng	DC	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên	22° 35' 49"	105° 05' 05"					F-48-31-C
khuổi Dìn	TV	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên			22° 38' 06"	105° 06' 43"	22° 39' 25"	105° 04' 44"	F-48-31-C
khuổi Hích	TV	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên			22° 35' 04"	105° 06' 01"	22° 35' 13"	105° 05' 08"	F-48-31-C
suối Khôn Han	TV	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên			22° 35' 54"	105° 06' 51"	22° 38' 47"	105° 03' 26"	F-48-31-C
suối Lăng Mu	TV	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên			22° 39' 25"	105° 04' 44"	22° 38' 51"	105° 03' 26"	F-48-31-C
khuổi Lúng Vài	TV	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên			22° 39' 24"	105° 06' 32"	22° 39' 25"	105° 04' 44"	F-48-31-C
suối Nà Đâng	TV	xã Ngọc Minh	H. Vị Xuyên			22° 37' 25"	105° 03' 55"	22° 38' 33"	105° 03' 43"	F-48-31-C
thôn Bản Mán	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 52' 58"	104° 56' 36"					F-48-30-B
thôn Lùng Càng	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 52' 05"	104° 57' 24"					F-48-30-B
thôn Lùng Châu	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 53' 09"	104° 55' 17"					F-48-30-B
thôn Lùng Giàng A	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 54' 08"	104° 54' 47"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lùng Giàng B	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 53' 51"	104° 54' 29"					F-48-30-B
thôn Lũng Pục	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 51' 34"	104° 58' 49"					F-48-30-B
xóm Lùng Vài	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 53' 21"	104° 56' 07"					F-48-30-B
xóm Nà Rang	DC	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 52' 12"	104° 55' 57"					F-48-30-B
núi Đán Khao	SV	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 53' 54"	104° 54' 49"					F-48-30-B
núi Đán Tí	SV	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 53' 50"	104° 56' 14"					F-48-30-B
núi Pắc Miều	SV	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 52' 02"	104° 55' 57"					F-48-30-B
núi Răng Cưa	SV	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên	22° 53' 07"	104° 57' 47"					F-48-30-B
sông Lô	TV	xã Phong Quang	H. Vị Xuyên			22° 53' 03"	104° 54' 08"	22° 50' 22"	104° 57' 31"	F-48-30-B
thôn Bản Lày	DC	xã Phú Linh	H. Vị Xuyên	22° 44' 53"	105° 02' 34"					F-48-31-C
thôn Mường Bắc	DC	xã Phú Linh	H. Vị Xuyên	22° 44' 12"	105° 00' 43"					F-48-31-C
núi Pù Khà	SV	xã Phú Linh	H. Vị Xuyên	22° 43' 03"	104° 59' 14"					F-48-30-D
suối Bắc ngàn	TV	xã Phú Linh	H. Vị Xuyên			22° 46' 02"	105° 02' 34"	22° 45' 45"	105° 00' 22"	F-48-31-A
sông Lô	TV	xã Phú Linh	H. Vị Xuyên			22° 48' 20"	104° 58' 39"	22° 45' 48"	105° 00' 20"	F-48-30-B
hồ Noong	TV	xã Phú Linh	H. Vị Xuyên	22° 42' 11"	104° 59' 51"					F-48-30-D
thôn Cường Thịnh	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 51' 21"	104° 55' 27"					F-48-30-B
thôn Mầu Phìn	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 50' 20"	104° 51' 02"					F-48-30-B
thôn Nà Màu	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 50' 53"	104° 52' 58"					F-48-30-B
thôn Nà Miều	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 51' 55"	104° 54' 42"					F-48-30-B
thôn Nà Thài	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 52' 31"	104° 54' 04"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Tẹ	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 51' 12"	104° 52' 15"					F-48-30-B
thôn Sửu	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 52' 08"	104° 54' 18"					F-48-30-B
thôn Xà Phìn	DC	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 50' 12"	104° 52' 10"					F-48-30-B
núi An Mạ	SV	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 52' 28"	104° 53' 02"					F-48-30-B
núi Đán Păm	SV	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên	22° 50' 58"	104° 49' 21"					F-48-30-B
sông Lô	TV	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên			22° 53' 03"	104° 54' 08"	22° 51' 31"	104° 55' 48"	F-48-30-B
suối Sửu	TV	xã Phương Tiến	H. Vị Xuyên			22° 49' 25"	104° 51' 04"	22° 52' 18"	104° 54' 47"	F-48-30-B
thôn Bản Chang	DC	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 41' 18"	104° 52' 21"					F-48-30-D
thôn Khuổi Hóp	DC	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 41' 54"	104° 54' 08"					F-48-30-D
thôn Nặm Chang	DC	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 41' 26"	104° 53' 46"					F-48-30-D
thôn Nặm Quăng	DC	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 37' 14"	104° 54' 58"					F-48-30-D
thôn Nặm Thăn	DC	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 39' 21"	104° 53' 31"					F-48-30-D
thôn Nặm Thín	DC	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 39' 06"	104° 54' 52"					F-48-30-D
núi Chom Chay	SV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên	22° 43' 30"	104° 51' 10"					F-48-30-D
suối Chang	TV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên			22° 43' 08"	104° 50' 13"	22° 40' 43"	104° 54' 50"	F-48-30-D
suối Cốc Nhừ	TV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên			22° 36' 07"	104° 51' 56"	22° 37' 19"	104° 53' 11"	F-48-30-D
suối Hóp	TV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên			22° 42' 12"	104° 52' 45"	22° 41' 10"	104° 53' 39"	F-48-30-D
suối Khau Le	TV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên			22° 40' 38"	104° 53' 44"	22° 40' 20"	104° 54' 39"	F-48-30-D
suối Nặm Thín	TV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên			22° 40' 15"	104° 52' 37"	22° 38' 46"	104° 55' 01"	F-48-30-D
suối Peo	TV	xã Quảng Ngần	H. Vị Xuyên			22° 42' 53"	104° 53' 19"	22° 41' 05"	104° 54' 34"	F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Lạn	DC	xã Thanh Đức	H. Vị Xuyên	22° 53' 19"	104° 49' 43"					F-48-30-B
thôn Nậm Nịch	DC	xã Thanh Đức	H. Vị Xuyên	22° 53' 26"	104° 47' 45"					F-48-30-B
thôn Nậm Tà	DC	xã Thanh Đức	H. Vị Xuyên	22° 53' 53"	104° 48' 55"					F-48-30-B
thôn Nậm Tẩm	DC	xã Thanh Đức	H. Vị Xuyên	22° 53' 26"	104° 50' 19"					F-48-30-B
đỉnh 1509	SV	xã Thanh Đức	H. Vị Xuyên	22° 54' 22"	104° 47' 23"					F-48-30-B
thôn Coóc Nghè	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 53' 17"	104° 52' 06"					F-48-30-B
thôn Giang Nam	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 55' 10"	104° 51' 36"					F-48-30-B
bản Làng Lò	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 58"	104° 51' 14"					F-48-30-B
xóm Nà Cáy	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 00"	104° 53' 02"					F-48-30-B
xóm Nà La	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 55' 51"	104° 50' 45"					F-48-30-B
xóm Nà Rẫy	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 20"	104° 53' 07"					F-48-30-B
thôn Nà Sát	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 00"	104° 53' 20"					F-48-30-B
thôn Nà Toong	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 02"	104° 51' 40"					F-48-30-B
thôn Nặm Ngặt	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 39"	104° 49' 39"					F-48-30-B
xóm Pha Hán	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 55' 43"	104° 51' 31"					F-48-30-B
bản Pin	DC	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 53' 19"	104° 53' 19"					F-48-30-B
núi Cóp Cái Choỏng	SV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 55' 15"	104° 50' 35"					F-48-30-B
dãy Đản Lai	SV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 55' 01"	104° 53' 39"					F-48-30-B
dãy Hán Dương	SV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 56' 21"	104° 52' 22"					F-48-30-B
dãy Phong Quang	SV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 54' 37"	104° 53' 24"					F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lô	TV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên			22° 56' 16"	104° 50' 55"	22° 53' 03"	104° 54' 08"	F-48-30-B
suối Nà La	TV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên			22° 55' 49"	104° 50' 26"	22° 56' 16"	104° 50' 53"	F-48-30-B
suối Thanh Thủy	TV	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên			22° 53' 54"	104° 50' 43"	22° 55' 19"	104° 51' 45"	F-48-30-B
quốc lộ 2	KX	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên			22° 53' 06"	104° 53' 51"	22° 56' 15"	104° 50' 52"	
Đồn Biên phòng Thanh Thủy	KX	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 55' 02"	104° 51' 43"					F-48-30-B
cửa khẩu Thanh Thủy	KX	xã Thanh Thủy	H. Vị Xuyên	22° 56' 15"	104° 50' 52"					F-48-30-B
xóm Ái Ngòa	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 08"	105° 01' 08"					F-48-31-A
bản Cầm	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 52' 33"	105° 02' 32"					F-48-31-A
bản Can	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 01"	105° 02' 44"					F-48-31-A
thôn Hòa Bắc	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 45"	104° 58' 26"					F-48-30-B
thôn Hòa Sơn	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 23"	105° 01' 47"					F-48-31-A
thôn Khâu Chà	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 04"	105° 01' 18"					F-48-31-A
xóm Khâu Lạp	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 45"	105° 01' 01"					F-48-31-A
thôn Khâu Miềng	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 56' 12"	105° 00' 07"					F-48-31-A
xóm Khuổi Dốn	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 55' 36"	105° 00' 19"					F-48-31-A
thôn Lũng Buông	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 47"	104° 56' 56"					F-48-30-B
thôn Lũng Cáng	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 56"	104° 58' 33"					F-48-30-B
xóm Lũng Châu	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 56' 56"	105° 02' 01"					F-48-31-A
xóm Lũng Cọ	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 58' 13"	105° 01' 36"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Khỏe	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 57' 44"	104° 59' 59"					F-48-30-B
thôn Lũng Pù	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 55' 28"	105° 01' 47"					F-48-31-A
thôn Lũng Rầy	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 31"	105° 02' 10"					F-48-31-A
xóm Lùng Sạt	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 55' 02"	104° 57' 35"					F-48-30-B
thôn Mịch A	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 25"	105° 00' 16"					F-48-31-A
thôn Mịch B	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 55' 00"	104° 59' 43"					F-48-30-B
thôn Minh Tiến	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 58' 54"	104° 59' 47"					F-48-30-B
xóm Nà Mèo	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 50"	105° 01' 09"					F-48-31-A
bản Pác Cáp	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 52' 51"	104° 59' 58"					F-48-30-B
thôn Pòng Chằm	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 56' 40"	104° 58' 34"					F-48-30-B
xóm Thang Lèng	DC	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 56"	104° 59' 27"					F-48-30-B
núi Khau Mây	SV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 55' 06"	105° 01' 41"					F-48-31-A
núi Khuổi Quân	SV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 42"	105° 00' 21"					F-48-31-A
núi Ngam Ngân	SV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 53' 37"	105° 01' 10"					F-48-31-A
núi Pạc Thẳm	SV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 55' 49"	104° 58' 40"					F-48-30-B
núi Tạc Tiển	SV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên	22° 54' 45"	104° 58' 50"					F-48-30-B
sông Miện	TV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên			22° 58' 14"	105° 02' 11"	22° 52' 20"	105° 00' 22"	F-48-31-A F-48-31-B
suối Nặm Cầm	TV	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên			22° 53' 42"	105° 01' 49"	22° 52' 32"	105° 02' 51"	F-48-31-A
quốc lộ 4C	KX	xã Thuận Hòa	H. Vị Xuyên			22° 52' 08"	105° 00' 25"	22° 55' 21"	104° 56' 44"	F-48-31-A F-48-30-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bó Đướt	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 42' 27"	104° 48' 42"					F-48-30-D
thôn Cao Bành	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 42' 09"	104° 49' 30"					F-48-30-D
thôn Hạ Sơn	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 39' 09"	104° 52' 28"					F-48-30-D
thôn Khoéc	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 38' 27"	104° 49' 42"					F-48-30-D
thôn Khuổi Luông	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 41' 15"	104° 49' 36"					F-48-30-D
thôn Khuổi Xỏm	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 40' 11"	104° 51' 48"					F-48-30-D
thôn Lùng Vùi	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 39' 47"	104° 48' 44"					F-48-30-D
thôn Nặm Am	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 38' 18"	104° 53' 17"					F-48-30-D
thôn Trung Sơn	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 40' 39"	104° 50' 42"					F-48-30-D
thôn Vằng Luông	DC	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 39' 37"	104° 51' 31"					F-48-30-D
núi Châu Voàng	SV	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 43' 46"	104° 50' 55"					F-48-30-D
núi Khau Am	SV	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 37' 35"	104° 47' 06"					F-48-30-D
núi Pù Nậm Ngạn	SV	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên	22° 40' 37"	104° 52' 01"					F-48-30-D
nặm Am	TV	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên			22° 38' 37"	104° 50' 03"	22° 37' 15"	104° 53' 24"	F-48-30-D
nặm Khiêu	TV	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên			22° 39' 15"	104° 48' 44"	22° 38' 37"	104° 50' 03"	F-48-30-D
suối Trung Sơn	TV	xã Thượng Sơn	H. Vị Xuyên			22° 42' 43"	104° 48' 30"	22° 39' 22"	104° 51' 26"	F-48-30-D
thôn Cốc Héc	DC	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 32' 25"	104° 58' 03"					F-48-30-D
thôn Hai Luồng	DC	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 33' 57"	104° 55' 41"					F-48-30-D
thôn Khuổi Lác	DC	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 34' 03"	104° 57' 57"					F-48-30-D
thôn Minh Thành	DC	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 35' 28"	104° 58' 57"					F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thủy Lâm	DC	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 34' 32"	104° 56' 21"					F-48-30-D
thôn Trung Sơn	DC	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 37' 07"	104° 59' 14"					F-48-30-D
núi Bắc Lầu	SV	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên	22° 36' 44"	104° 58' 29"					F-48-30-D
sông Lô	TV	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên			22° 36' 39"	104° 57' 19"	22° 32' 55"	104° 54' 37"	F-48-30-D
suối Tàn	TV	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên			22° 35' 51"	104° 59' 33"	22° 36' 07"	104° 58' 18"	F-48-30-D
suối Tàn	TV	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên			22° 35' 56"	105° 00' 19"	22° 35' 51"	104° 59' 33"	F-48-31-C F-48-30-D
suối Trung Thành	TV	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên			22° 34' 01"	104° 58' 39"	22° 36' 19"	104° 58' 03"	F-48-30-D
suối Xá	TV	xã Trung Thành	H. Vị Xuyên			22° 36' 49"	104° 59' 10"	22° 37' 32"	104° 58' 21"	F-48-30-D
thôn Bản Mào	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 52' 38"	105° 03' 38"					F-48-31-A
thôn Hồng Minh	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 51' 55"	105° 06' 06"					F-48-31-A
thôn Hồng Tiến	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 52' 48"	105° 04' 15"					F-48-31-A
thôn Khun Phà	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 51' 31"	105° 06' 33"					F-48-31-A
thôn Khuôn Làng	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 53' 26"	105° 05' 05"					F-48-31-A
thôn Nà Lòa	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 50' 31"	105° 05' 42"					F-48-31-A
thôn Nận Rịa	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 51' 52"	105° 04' 15"					F-48-31-A
thôn Phúc Hạ	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 52' 05"	105° 05' 14"					F-48-31-A
xóm Tin Tốc	DC	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 52' 34"	105° 08' 06"					F-48-31-A
núi Bó Pẩu	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 50' 09"	105° 08' 04"					F-48-31-A
núi Cao Vinh	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 56' 51"	105° 03' 22"					F-48-31-A
núi Cốc Lầu	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 57' 05"	105° 07' 49"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đán Đăm	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 52' 02"	105° 02' 20"					F-48-31-A
núi Đán Mào	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 52' 05"	105° 04' 40"					F-48-31-A
núi Khau Ca	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 51' 17"	105° 06' 15"					F-48-31-A
núi Khau Vin	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 53' 39"	105° 03' 07"					F-48-31-A
núi Pù Tà Kà	SV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên	22° 55' 22"	105° 08' 25"					F-48-31-A
suối Khun Pha	TV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên			22° 52' 10"	105° 07' 42"	22° 51' 16"	105° 05' 45"	F-48-31-A
suối Khuổi Mào	TV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên			22° 55' 00"	105° 05' 06"	22° 52' 13"	105° 04' 53"	F-48-31-A
suối Khuổi Rịa	TV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên			22° 52' 13"	105° 04' 53"	22° 49' 56"	105° 06' 14"	F-48-31-A
sông Tà Làng	TV	xã Tùng Bá	H. Vị Xuyên			22° 55' 40"	105° 05' 56"	22° 55' 00"	105° 05' 06"	F-48-31-A
thôn Chang	DC	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 38' 45"	104° 55' 42"					F-48-30-D
thôn Dưới	DC	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 52"	104° 55' 01"					F-48-30-D
thôn Hát	DC	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 39' 40"	104° 55' 25"					F-48-30-D
thôn Lèn	DC	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 40' 44"	104° 55' 39"					F-48-30-D
thôn Vạt	DC	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 29"	104° 56' 18"					F-48-30-D
núi Phày	SV	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 42' 38"	104° 54' 25"					F-48-30-D
núi Tăng Lê Nhật	SV	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 39' 31"	104° 56' 21"					F-48-30-D
nậm Khí	TV	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên			22° 38' 04"	104° 54' 53"	22° 38' 20"	104° 55' 48"	F-48-30-D
suối My	TV	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên			22° 42' 15"	104° 54' 40"	22° 40' 32"	104° 55' 05"	F-48-30-D
suối Nậm Luồng	TV	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên			22° 40' 39"	104° 56' 06"	22° 39' 28"	104° 55' 49"	F-48-30-D
suối Vạt	TV	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên			22° 40' 32"	104° 54' 50"	22° 35' 33"	104° 56' 29"	F-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Vạt	KX	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 36' 24"	104° 56' 29"					F-48-30-D
chợ Vạt	KX	xã Việt Lâm	H. Vị Xuyên	22° 37' 39"	104° 56' 17"					F-48-30-D
thôn Nậm Lầu	DC	xã Xín Chải	H. Vị Xuyên	22° 52' 01"	104° 46' 40"					F-48-30-B
thôn Nhìu Sang	DC	xã Xín Chải	H. Vị Xuyên	22° 52' 24"	104° 47' 22"					F-48-30-B
bản Tả Mù Cán	DC	xã Xín Chải	H. Vị Xuyên	22° 53' 02"	104° 47' 58"					F-48-30-B
thôn Tả Ván	DC	xã Xín Chải	H. Vị Xuyên	22° 52' 05"	104° 48' 36"					F-48-30-B
núi Lùng Chư Phùng	SV	xã Xín Chải	H. Vị Xuyên	22° 51' 35"	104° 45' 17"					F-48-30-B
suối Thanh Thủy	TV	xã Xín Chải	H. Vị Xuyên			22° 51' 12"	104° 46' 47"	22° 53' 30"	104° 48' 51"	F-48-30-B
tổ 1	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 41' 11"	104° 27' 37"					F-48-29-D
tổ 2	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 40' 57"	104° 27' 40"					F-48-29-D
tổ 3	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 40' 55"	104° 27' 33"					F-48-29-D
tổ 4	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 40' 46"	104° 27' 39"					F-48-29-D
thôn Bổ Khí	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 41' 12"	104° 27' 28"					F-48-29-D
thôn Na Pan	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 41' 00"	104° 25' 12"					F-48-29-D
thôn Sủng Sảng	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 41' 45"	104° 26' 18"					F-48-29-D
thôn Suối Thầu	DC	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 41' 14"	104° 26' 25"					F-48-29-D
sông Chảy	TV	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần			22° 41' 25"	104° 27' 53"	22° 41' 09"	104° 24' 16"	F-48-29-D
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần			22° 40' 21"	104° 26' 24"	22° 41' 39"	104° 27' 39"	F-48-29-D
cầu Cốc Pài	KX	TT. Cốc Pài	H. Xín Mần	22° 41' 39"	104° 27' 39"					

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Tủm	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 44' 02"	104° 32' 56"					F-48-30-C
thôn Díu Hạ	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 44' 33"	104° 33' 13"					F-48-30-C
thôn Díu Thượng	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 45' 20"	104° 33' 53"					F-48-30-A
thôn Mào Phố	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 45' 50"	104° 34' 02"					F-48-30-A
thôn Nậm Xỏm	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 37' 45"	104° 25' 39"					F-48-29-D
thôn Ngăm Lim	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 44' 29"	104° 31' 54"					F-48-30-C
thôn Quán Thèn	DC	xã Bản Díu	H. Xín Mần	22° 45' 05"	104° 32' 38"					F-48-30-A
suối Chi Sang	TV	xã Bản Díu	H. Xín Mần			22° 45' 22"	104° 32' 14"	22° 43' 42"	104° 32' 53"	F-48-30-A F-48-30-C
thôn Đoàn Kết	DC	xã Bản Ngò	H. Xín Mần	22° 38' 08"	104° 26' 15"					F-48-29-D
thôn Táo Hạ	DC	xã Bản Ngò	H. Xín Mần	22° 38' 58"	104° 26' 28"					F-48-29-D
thôn Thính Tằng	DC	xã Bản Ngò	H. Xín Mần	22° 38' 39"	104° 27' 12"					F-48-29-D
núi Ngam Thính Mỳ	SV	xã Bản Ngò	H. Xín Mần	22° 39' 08"	104° 27' 28"					F-48-29-D
núi Siêu Chu	SV	xã Bản Ngò	H. Xín Mần	22° 37' 44"	104° 27' 24"					F-48-29-D
suối Bản Ngò	TV	xã Bản Ngò	H. Xín Mần			22° 37' 18"	104° 25' 54"	22° 40' 10"	104° 27' 31"	F-48-29-D
suối Cửa Cải	TV	xã Bản Ngò	H. Xín Mần			22° 37' 39"	104° 27' 35"	22° 37' 57"	104° 28' 54"	F-48-29-D
thôn Cốc Cang	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 37' 19"	104° 32' 18"					F-48-30-C
thôn Cốc Chứ	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 38' 46"	104° 31' 00"					F-48-30-C
thôn Cốc Cộ	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 37' 42"	104° 31' 30"					F-48-30-C
thôn Cốc Độ	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 38' 12"	104° 31' 42"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Đông	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 37' 27"	104° 32' 26"					F-48-30-C
thôn Dì Thàng	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 38' 15"	104° 32' 35"					F-48-30-C
thôn Đoàn Kết	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 37' 53"	104° 29' 43"					F-48-29-D
thôn Xỉn Khâu	DC	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 37' 50"	104° 32' 57"					F-48-30-C
núi Ngăm Vặt	SV	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 38' 53"	104° 31' 47"					F-48-30-C
núi Ngẫu Ngam Vạc	SV	xã Chế Là	H. Xín Mần	22° 39' 00"	104° 30' 42"					F-48-30-C
suối Cốc Độ	TV	xã Chế Là	H. Xín Mần			22° 38' 15"	104° 32' 20"	22° 37' 48"	104° 29' 35"	F-48-30-C F-48-29-D
suối Nấm Lu	TV	xã Chế Là	H. Xín Mần			22° 37' 25"	104° 32' 21"	22° 37' 49"	104° 29' 20"	F-48-30-C F-48-29-D
thôn Bản Phố	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 44' 27"	104° 26' 15"					F-48-29-D
thôn Chí Cà Hạ	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 43' 39"	104° 26' 45"					F-48-29-D
thôn Chí Cà Thượng	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 43' 24"	104° 26' 35"					F-48-29-D
thôn Hậu Cầu Mèo	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 45' 58"	104° 30' 01"					F-48-30-A
thôn Hồ Mù Chải	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 43' 28"	104° 27' 34"					F-48-29-D
thôn Hồ Séo Chải	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 44' 12"	104° 28' 50"					F-48-29-D
thôn Khờ Chá Ván	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 43' 56"	104° 27' 44"					F-48-29-D
thôn Nàn Hái	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 43' 59"	104° 28' 11"					F-48-29-D
thôn Sán Hậu	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 43' 04"	104° 27' 33"					F-48-29-D
thôn Suối Thầu	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 44' 01"	104° 27' 12"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xóm Mới	DC	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 42' 44"	104° 26' 47"					F-48-29-D
núi Tráp Khỉ	SV	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 47' 18"	104° 30' 11"					F-48-30-A
suối Nàn Hái	TV	xã Chí Cà	H. Xín Mần			22° 44' 32"	104° 27' 57"	22° 42' 16"	104° 26' 58"	F-48-29-D
suối Nàn Hái	TV	xã Chí Cà	H. Xín Mần			22° 45' 00"	104° 28' 00"	22° 44' 32"	104° 27' 58"	F-48-29-D
suối Ngài Trồ	TV	xã Chí Cà	H. Xín Mần			22° 44' 25"	104° 27' 07"	22° 43' 36"	104° 25' 48"	F-48-29-D
cửa khẩu Xín Mần	KX	xã Chí Cà	H. Xín Mần	22° 47' 13"	104° 30' 18"					F-48-30-A
thôn Cốc Cái	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 40' 23"	104° 30' 32"					F-48-30-C
thôn Cốc Đông	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 40' 02"	104° 31' 56"					F-48-30-C
thôn Cốc Rế	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 40' 29"	104° 31' 33"					F-48-30-C
thôn Đông Thang	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 39' 38"	104° 30' 41"					F-48-30-C
thôn Lùng Vài	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 41' 23"	104° 30' 37"					F-48-30-C
thôn Sung Lặm	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 39' 34"	104° 31' 54"					F-48-30-C
thôn Tòng Táo	DC	xã Cốc Rế	H. Xín Mần	22° 41' 25"	104° 30' 19"					F-48-30-C
suối Nắm Chiến	TV	xã Cốc Rế	H. Xín Mần			22° 40' 11"	104° 31' 14"	22° 41' 37"	104° 31' 33"	F-48-30-C
suối Tà Tuông	TV	xã Cốc Rế	H. Xín Mần			22° 39' 28"	104° 32' 00"	22° 40' 54"	104° 32' 07"	F-48-30-C
thôn Làng Thượng	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 29' 36"	104° 31' 02"					F-48-42-A
thôn Nà Căm	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 30' 14"	104° 32' 26"					F-48-30-C
thôn Nà Niêng	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 29' 33"	104° 32' 22"					F-48-42-A
thôn Nà Ràng	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 29' 49"	104° 31' 47"					F-48-42-A
thôn Nậm He	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 28' 40"	104° 30' 27"					F-48-42-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Phạng	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 31' 02"	104° 31' 42"					F-48-30-C
thôn Phiêng Lang	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 30' 17"	104° 33' 33"					F-48-30-C
thôn Trung Thành	DC	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 28' 54"	104° 32' 06"					F-48-42-A
núi Nậm He	SV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 27' 59"	104° 29' 58"					F-48-41-B
núi Nậm Thàng	SV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần	22° 30' 16"	104° 31' 18"					F-48-30-C
suối Nậm He	TV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần			22° 28' 22"	104° 30' 37"	22° 29' 10"	104° 29' 59"	F-48-42-A F-48-41-B
suối Nậm Li	TV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần			22° 31' 58"	104° 33' 01"	22° 30' 48"	104° 31' 46"	F-48-30-C
suối Nậm Pha	TV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần			22° 31' 58"	104° 34' 50"	22° 31' 58"	104° 33' 02"	F-48-30-C
suối Nậm Phiên	TV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần			22° 30' 50"	104° 33' 40"	22° 30' 11"	104° 33' 23"	F-48-30-C
suối Nậm Thàng	TV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần			22° 28' 57"	104° 30' 45"	22° 30' 08"	104° 31' 56"	F-48-42-A F-48-30-C
suối Nậm The	TV	xã Khuôn Lùng	H. Xín Mần			22° 30' 24"	104° 31' 32"	22° 29' 42"	104° 32' 35"	F-48-30-C F-48-42-A
thôn Bản Bó	DC	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 32' 44"	104° 26' 38"					F-48-29-D
thôn Bản Vẽ	DC	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 32' 06"	104° 28' 20"					F-48-29-D
thôn Đại Thắng	DC	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 31' 46"	104° 30' 45"					F-48-30-C
thôn Khâu Lầu	DC	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 31' 24"	104° 30' 53"					F-48-30-C
thôn Nà Chì	DC	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 30' 39"	104° 30' 10"					F-48-30-C
thôn Tân Sơn	DC	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 31' 09"	104° 29' 25"					F-48-30-C
đèo Bản Liền	SV	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 31' 34"	104° 25' 02"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đán Kẹn	SV	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 30' 16"	104° 26' 46"					F-48-29-D
đèo Gió	SV	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 34' 11"	104° 30' 05"					F-48-30-C
núi Khau Tăng	SV	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 32' 48"	104° 25' 16"					F-48-29-D
núi Tà Mị	SV	xã Nà Chì	H. Xín Mần	22° 31' 48"	104° 31' 37"					F-48-30-C
sông Con	TV	xã Nà Chì	H. Xín Mần			22° 32' 33"	104° 26' 37"	22° 31' 17"	104° 30' 10"	F-48-29-D F-48-30-C
suối Khuổi Chì	TV	xã Nà Chì	H. Xín Mần			22° 31' 17"	104° 30' 10"	22° 30' 38"	104° 31' 26"	F-48-30-C
suối Na Mạ	TV	xã Nà Chì	H. Xín Mần			22° 32' 01"	104° 31' 09"	22° 30' 44"	104° 31' 02"	F-48-30-C
suối Nậm He	TV	xã Nà Chì	H. Xín Mần			22° 29' 25"	104° 30' 01"	22° 30' 44"	104° 30' 45"	F-48-42-A F-48-30-C
suối Nậm Luông	TV	xã Nà Chì	H. Xín Mần			22° 33' 57"	104° 25' 43"	22° 32' 33"	104° 26' 37"	F-48-29-D
suối Nậm Sú	TV	xã Nà Chì	H. Xín Mần			22° 30' 31"	104° 28' 36"	22° 31' 24"	104° 29' 17"	F-48-29-D
thôn Đoàn Kết	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 36' 46"	104° 30' 29"					F-48-30-C
thôn Lùng Mở	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 37' 44"	104° 28' 55"					F-48-29-D
thôn Nấm Chanh	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 34' 54"	104° 30' 00"					F-48-30-C
thôn Nấm Chiến	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 36' 47"	104° 28' 28"					F-48-29-D
thôn Nấm Dẩn	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 37' 16"	104° 29' 12"					F-48-29-D
thôn Nấm Trà	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 36' 17"	104° 29' 39"					F-48-29-D
thôn Ngăm Lâm	DC	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 35' 45"	104° 29' 40"					F-48-29-D
núi Bốt	SV	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 36' 49"	104° 31' 02"					F-48-30-C
núi Đản Phá	SV	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 36' 48"	104° 27' 39"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nàng Ha Lúng	SV	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 36' 40"	104° 31' 32"					F-48-30-C
núi Ngàm Lồm	SV	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần	22° 34' 25"	104° 27' 48"					F-48-29-D
suối Dáp	TV	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần			22° 36' 35"	104° 31' 29"	22° 36' 33"	104° 29' 27"	F-48-30-C F-48-29-D
suối Nấm Dẩn	TV	xã Nấm Dẩn	H. Xín Mần			22° 34' 18"	104° 29' 57"	22° 37' 57"	104° 28' 54"	F-48-29-D
thôn Cốc Pú	DC	xã Nàn Ma	H. Xín Mần	22° 40' 00"	104° 26' 05"					F-48-29-D
thôn La Chí Chải	DC	xã Nàn Ma	H. Xín Mần	22° 40' 24"	104° 24' 47"					F-48-29-D
thôn Lùng Sán	DC	xã Nàn Ma	H. Xín Mần	22° 39' 22"	104° 26' 08"					F-48-29-D
thôn Lùng Vai	DC	xã Nàn Ma	H. Xín Mần	22° 40' 48"	104° 24' 25"					F-48-29-D
thôn Nàn Lý	DC	xã Nàn Ma	H. Xín Mần	22° 38' 47"	104° 24' 44"					F-48-29-D
suối Bản Ngò	TV	xã Nàn Ma	H. Xín Mần			22° 37' 18"	104° 25' 54"	22° 40' 10"	104° 27' 31"	F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Nàn Ma	H. Xín Mần			22° 41' 09"	104° 24' 16"	22° 40' 53"	104° 23' 46"	F-48-29-D
thôn Chúng Chải	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 47' 26"	104° 32' 09"					F-48-30-A
thôn Đông Lợi	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 46' 39"	104° 33' 54"					F-48-30-A
thôn Ma Dỉ Vảng	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 46' 28"	104° 31' 15"					F-48-30-A
thôn Nhìu Sang	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 47' 41"	104° 31' 21"					F-48-30-A
thôn Péo Suối Ngài	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 48' 03"	104° 31' 25"					F-48-30-A
thôn Sả Chải	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 47' 49"	104° 32' 38"					F-48-30-A
thôn Suối Thầu	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 46' 13"	104° 34' 21"					F-48-30-A
thôn Tả Mù Cán	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 47' 03"	104° 30' 57"					F-48-30-A
thôn Thắng Lợi	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 47' 13"	104° 33' 14"					F-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tu Meo	DC	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần	22° 46' 28"	104° 32' 43"					F-48-30-A
suối Gia Long	TV	xã Nàn Xỉn	H. Xín Mần			22° 46' 19"	104° 33' 02"	22° 46' 03"	104° 35' 29"	F-48-30-A
thôn Bản Rang	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 42' 10"	104° 33' 15"					F-48-30-C
thôn Đội Phố	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 42' 04"	104° 33' 36"					F-48-30-C
xóm Hô Sán	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 41' 22"	104° 33' 05"					F-48-30-C
thôn Hô Sán	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 41' 36"	104° 34' 33"					F-48-30-C
thôn Ma Lỳ Sán	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 41' 57"	104° 31' 43"					F-48-30-C
thôn Na Mở	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 42' 41"	104° 32' 23"					F-48-30-C
thôn Ta Hạ	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 43' 08"	104° 33' 11"					F-48-30-C
thôn Ta Thượng	DC	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần	22° 42' 12"	104° 33' 36"					F-48-30-C
sông Chảy	TV	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần			22° 43' 42"	104° 33' 11"	22° 42' 19"	104° 31' 03"	F-48-30-C
suối Tà Lai	TV	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần			22° 41' 05"	104° 31' 59"	22° 42' 19"	104° 31' 04"	F-48-30-C
suối Tà Nậm Lu	TV	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần			22° 41' 26"	104° 34' 42"	22° 41' 05"	104° 31' 59"	F-48-30-C
suối Tà Nắm Ta	TV	xã Ngán Chiên	H. Xín Mần			22° 42' 25"	104° 34' 04"	22° 43' 41"	104° 33' 11"	F-48-30-C
bản Bãi Bằng	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 41' 28"	104° 23' 27"					F-48-29-D
thôn Khấu Sỉn	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 41' 05"	104° 21' 32"					F-48-29-D
thôn Ma Lỳ Sán	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 42' 00"	104° 20' 49"					F-48-29-D
thôn Seo Lử Thận	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 41' 49"	104° 23' 55"					F-48-29-D
thôn Sì Khá Lá	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 43' 55"	104° 25' 17"					F-48-29-D
thôn Tả Lử Thận	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 42' 31"	104° 24' 22"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thào Chứ Ván	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 42' 10"	104° 23' 01"					F-48-29-D
thôn Thèn Ván	DC	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 41' 11"	104° 22' 42"					F-48-29-D
núi Chúng Chu	SV	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 41' 55"	104° 23' 14"					F-48-29-D
núi Chúng Dế	SV	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần	22° 43' 00"	104° 24' 38"					F-48-29-D
suối khe Cạn	TV	xã Pà Vẩy Sủ	H. Xín Mần			22° 43' 35"	104° 25' 48"	22° 42' 38"	104° 25' 53"	F-48-29-D
thôn Cao Sơn	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 37' 35"	104° 34' 55"					F-48-30-C
thôn Khau Rom	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 33' 27"	104° 32' 09"					F-48-30-C
thôn Minh Quang	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 34' 08"	104° 36' 12"					F-48-30-C
thôn Nậm Choong	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 31' 53"	104° 33' 39"					F-48-30-C
thôn Nậm Cương	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 34' 47"	104° 34' 34"					F-48-30-C
thôn Nậm Là	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 35' 03"	104° 32' 22"					F-48-30-C
thôn Nậm Lỳ	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 37' 39"	104° 34' 34"					F-48-30-C
thôn Quảng Hạ	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 33' 35"	104° 35' 27"					F-48-30-C
thôn Quảng Thượng	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 35' 29"	104° 35' 53"					F-48-30-C
thôn Quang Vinh	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 35' 31"	104° 33' 34"					F-48-30-C
thôn Sơn Thành	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 38' 43"	104° 35' 20"					F-48-30-C
thôn Tân Sơn	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 33' 52"	104° 33' 57"					F-48-30-C
thôn Trung Thành	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 37' 57"	104° 34' 27"					F-48-30-C
thôn Vinh Tiến	DC	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 36' 52"	104° 35' 23"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chầy Pẹ	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 32' 07"	104° 35' 32"					F-48-30-C
núi Đá Trắng	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 35' 31"	104° 31' 09"					F-48-30-C
núi Đán Đét	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 34' 50"	104° 30' 34"					F-48-30-C
núi Đán Kẹn	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 32' 14"	104° 31' 35"					F-48-30-C
núi Khâu Dét	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 34' 18"	104° 30' 40"					F-48-30-C
núi Khay Tro	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 32' 15"	104° 33' 56"					F-48-30-C
núi Nhìu Cồ Sán	SV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần	22° 36' 45"	104° 32' 59"					F-48-30-C
suối Nậm Bó	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 32' 30"	104° 35' 16"	22° 32' 46"	104° 33' 39"	F-48-30-C
suối Nậm Khằn	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 34' 30"	104° 33' 10"	22° 33' 57"	104° 34' 16"	F-48-30-C
suối Nậm Là	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 34' 39"	104° 32' 01"	22° 32' 09"	104° 32' 56"	F-48-30-C
suối Nậm Lỳ	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 37' 50"	104° 34' 47"	22° 31' 58"	104° 33' 01"	F-48-30-C
suối Nậm Pha	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 31' 58"	104° 34' 50"	22° 31' 58"	104° 33' 02"	F-48-30-C
suối Nậm Pự	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 36' 04"	104° 33' 34"	22° 35' 25"	104° 34' 50"	F-48-30-C
suối Nậm Thắng	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 33' 15"	104° 36' 07"	22° 33' 59"	104° 34' 22"	F-48-30-C
suối Nậm Thào	TV	xã Quảng Nguyên	H. Xín Mần			22° 33' 47"	104° 36' 55"	22° 34' 33"	104° 35' 04"	F-48-30-C
thôn Cốc Cang	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 40' 20"	104° 28' 27"					F-48-29-D
thôn Đoàn Kết	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 41' 27"	104° 29' 07"					F-48-29-D
thôn Lủng Cháng	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 41' 02"	104° 29' 32"					F-48-29-D
thôn Lủng Mở	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 40' 31"	104° 29' 04"					F-48-29-D
thôn Na Hu	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 39' 31"	104° 29' 21"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Na Lan	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 40' 56"	104° 28' 53"					F-48-29-D
thôn Na Ri	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 41' 16"	104° 29' 34"					F-48-29-D
thôn Na Van	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 40' 32"	104° 30' 05"					F-48-30-C
thôn Nắm Pé	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 40' 12"	104° 28' 36"					F-48-29-D
thôn Thẩm Giá	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 39' 19"	104° 28' 46"					F-48-29-D
thôn Vai Lũng	DC	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần	22° 40' 52"	104° 29' 37"					F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần			22° 41' 38"	104° 29' 35"	22° 41' 25"	104° 27' 53"	F-48-29-D
suối Đoóng Ké	TV	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần			22° 41' 03"	104° 29' 16"	22° 41' 26"	104° 28' 44"	F-48-29-D
suối Khủi Lũng	TV	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần			22° 39' 46"	104° 30' 16"	22° 41' 37"	104° 29' 35"	F-48-30-C F-48-29-D
suối Nấm Dẩn	TV	xã Tả Nhìu	H. Xín Mần			22° 38' 52"	104° 28' 16"	22° 41' 25"	104° 27' 53"	F-48-29-D
thôn Chợ Km26	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 53"	104° 31' 52"					F-48-30-C
bản Cốc Lấy	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 58"	104° 29' 11"					F-48-29-D
thôn Cốc Soọc	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 41' 35"	104° 28' 33"					F-48-29-D
xóm Cốc Soọc	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 02"	104° 28' 01"					F-48-29-D
thôn Đoàn Kết	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 41"	104° 29' 27"					F-48-29-D
thôn Khấu Táo	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 43' 38"	104° 31' 55"					F-48-30-C
thôn Khấu Tinh	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 43' 40"	104° 30' 09"					F-48-30-C
thôn Lùng Cháng	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 43' 35"	104° 30' 49"					F-48-30-C
xóm Na Sai	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 01"	104° 29' 29"					F-48-29-D
thôn Na Sai	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 43' 10"	104° 29' 33"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pạc Xỉ	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 11"	104° 28' 27"					F-48-29-D
thôn Pố Cố	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 45"	104° 30' 42"					F-48-30-C
thôn Sáo Cố Sủ	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 43' 45"	104° 29' 06"					F-48-29-D
thôn Tà Lượt	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 42' 19"	104° 29' 44"					F-48-29-D
thôn Xín Thèn	DC	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần	22° 43' 18"	104° 28' 37"					F-48-29-D
suối Tà Lượt	TV	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần			22° 43' 41"	104° 30' 35"	22° 42' 00"	104° 30' 21"	F-48-30-C
đường tỉnh Bắc Quang - Xín Mần	KX	xã Thèn Phàng	H. Xín Mần			22° 41' 39"	104° 27' 39"	22° 43' 44"	104° 32' 51"	F-48-29-D
thôn Nàng Cút	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 39' 34"	104° 33' 53"					F-48-30-C
thôn Nàng Vạc	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 40' 17"	104° 34' 01"					F-48-30-C
thôn Ngải Thầu	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 41' 19"	104° 34' 05"					F-48-30-C
thôn Ngài Trồ	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 40' 51"	104° 32' 44"					F-48-30-C
thôn Pạc Thây	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 41' 15"	104° 34' 35"					F-48-30-C
thôn Pạc Tiến	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 39' 48"	104° 32' 53"					F-48-30-C
thôn Sán Chải	DC	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 39' 29"	104° 32' 35"					F-48-30-C
núi Hồ Dìn Phìn	SV	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 40' 26"	104° 34' 47"					F-48-30-C
núi Ngài Thầu	SV	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 40' 29"	104° 33' 49"					F-48-30-C
núi Tô Pa	SV	xã Thu Tà	H. Xín Mần	22° 39' 07"	104° 32' 56"					F-48-30-C
suối Tà Đản Đăm	TV	xã Thu Tà	H. Xín Mần			22° 39' 58"	104° 34' 20"	22° 41' 05"	104° 31' 59"	F-48-30-C
thôn Cốc Đông	DC	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần	22° 43' 36"	104° 34' 16"					F-48-30-C
thôn Cốc Pú	DC	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần	22° 42' 58"	104° 34' 27"					F-48-30-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đản Rạc	DC	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần	22° 42' 12"	104° 35' 34"					F-48-30-C
thôn Nắm Ta	DC	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần	22° 42' 34"	104° 34' 20"					F-48-30-C
thôn Pố Hà 1	DC	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần	22° 43' 39"	104° 34' 48"					F-48-30-C
thôn Pố Hà 2	DC	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần	22° 43' 19"	104° 34' 53"					F-48-30-C
suối Tà Đản Án	TV	xã Trung Thịnh	H. Xín Mần			22° 41' 31"	104° 35' 09"	22° 42' 25"	104° 34' 04"	F-48-30-C
thôn Lao Pờ	DC	xã Xín Mần	H. Xín Mần	22° 44' 48"	104° 30' 37"					F-48-30-C
thôn Quán Dín Ngài	DC	xã Xín Mần	H. Xín Mần	22° 45' 24"	104° 30' 04"					F-48-30-A
núi Gia Long	SV	xã Xín Mần	H. Xín Mần	22° 45' 59"	104° 30' 58"					F-48-30-A
núi Hoàng Thùng	SV	xã Xín Mần	H. Xín Mần	22° 45' 28"	104° 31' 45"					F-48-30-A
suối Lao Pờ	TV	xã Xín Mần	H. Xín Mần			22° 45' 36"	104° 30' 50"	22° 43' 45"	104° 30' 35"	F-48-30-A F-48-30-C
thôn Bục Bản	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 54"	105° 07' 26"					F-48-19-C
thôn Chang	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 17"	105° 06' 24"					F-48-19-C
thôn Đầu Cầu	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 17"	105° 07' 44"					F-48-19-C
thôn Khau Lý	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 06' 33"	105° 08' 59"					F-48-19-C
thôn Nà Hán	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 08"	105° 09' 23"					F-48-19-C
thôn Nà Mạ	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 05"	105° 08' 09"					F-48-19-C
thôn Nà Quang	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 05"	105° 09' 10"					F-48-19-C
thôn Nà Tèn	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 13"	105° 09' 00"					F-48-19-C
thôn Phắc Nghè	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 07' 19"	105° 08' 26"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Trà	DC	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 06' 08"	105° 06' 34"					F-48-19-C
núi Đồi Chốt	SV	TT. Yên Minh	H. Yên Minh	23° 08' 00"	105° 08' 07"					F-48-19-C
suối Phắc Nghè	TV	TT. Yên Minh	H. Yên Minh			23° 07' 50"	105° 06' 51"	23° 07' 23"	105° 09' 32"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	TT. Yên Minh	H. Yên Minh			23° 07' 24"	105° 09' 40"	23° 07' 19"	105° 06' 28"	F-48-19-C
thôn Bản Muồng	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 11' 31"	105° 02' 50"					F-48-19-C
thôn Chợ Ké	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 50"	105° 03' 29"					F-48-19-C
thôn Cốc Pục	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 54"	105° 03' 14"					F-48-19-C
thôn Coóc Choóng	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 31"	105° 00' 24"					F-48-19-C
thôn Đoàn Kết	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 11' 21"	105° 03' 19"					F-48-19-C
thôn Đông Sao	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 13' 26"	105° 02' 30"					F-48-19-C
thôn Lùng Ngấn	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 30"	105° 01' 10"					F-48-19-C
thôn Na Ca	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 53"	105° 02' 34"					F-48-19-C
thôn Nà Coóng	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 02"	105° 01' 08"					F-48-19-C
thôn Na Xàng 1	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 13' 21"	105° 03' 14"					F-48-19-C
thôn Na Xàng 2	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 13' 28"	105° 02' 59"					F-48-19-C
thôn Phe Lái	DC	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 11' 15"	105° 04' 32"					F-48-19-C
núi Đông Sao	SV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 13' 48"	105° 01' 53"					F-48-19-C
núi Sàng Sán	SV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 13' 02"	105° 00' 26"					F-48-19-C
núi Tả Kha	SV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh	23° 12' 50"	104° 59' 55"					F-48-18-D
suối Bạch Đích	TV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh			23° 12' 42"	105° 03' 43"	23° 11' 53"	105° 00' 59"	F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đông Sao	TV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh			23° 13' 48"	105° 02' 01"	23° 12' 51"	105° 02' 48"	F-48-19-C
suối Lùng Ngấn	TV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh			23° 12' 32"	105° 00' 53"	23° 11' 54"	105° 00' 58"	F-48-19-C
suối Mốc Tám	TV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh			23° 12' 42"	105° 01' 42"	23° 12' 19"	105° 01' 57"	F-48-19-C
suối Na Xàng	TV	xã Bạch Đích	H. Yên Minh			23° 13' 42"	105° 03' 16"	23° 12' 52"	105° 02' 50"	F-48-19-C
thôn Bản Cốc	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 06' 31"	105° 09' 59"					F-48-19-C
thôn Bản Lò	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 43"	105° 09' 46"					F-48-19-C
thôn Bản Xương	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 01"	105° 10' 39"					F-48-19-C
thôn Bó Mới	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 08"	105° 12' 25"					F-48-19-C
thôn Đông Mơ	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 14"	105° 11' 29"					F-48-19-C
thôn Khau Lý	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 06' 33"	105° 08' 59"					F-48-19-C
thôn Nà Báng	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 09"	105° 08' 43"					F-48-19-C
thôn Nà Nhuông	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 06' 00"	105° 07' 56"					F-48-19-C
thôn Nà Noong	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 50"	105° 08' 33"					F-48-19-C
thôn Tàng Rêu	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 01"	105° 08' 11"					F-48-19-C
thôn Tu Đoóc	DC	xã Đông Minh	H. Yên Minh	23° 05' 33"	105° 08' 37"					F-48-19-C
suối Bản Vàng	TV	xã Đông Minh	H. Yên Minh			23° 06' 20"	105° 11' 13"	23° 04' 43"	105° 13' 13"	F-48-19-C
suối Na Bồ	TV	xã Đông Minh	H. Yên Minh			23° 04' 41"	105° 10' 26"	23° 04' 21"	105° 11' 32"	F-48-19-C
đường tỉnh 176	KX	xã Đông Minh	H. Yên Minh			23° 04' 39"	105° 13' 09"	23° 06' 06"	105° 11' 27"	F-48-19-C
thôn Cốc Páng	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 55' 51"	105° 13' 17"					F-48-31-A
thôn Giàng Chù A	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 56' 15"	105° 10' 47"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giàng Chù B	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 56' 58"	105° 10' 17"					F-48-31-A
thôn Khau Đáy	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 57' 40"	105° 11' 48"					F-48-31-A
thôn Khau Rịa	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 55' 12"	105° 12' 46"					F-48-31-A
thôn Làng Khác	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 56' 25"	105° 11' 52"					F-48-31-A
thôn Lũng Dầm	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 54' 02"	105° 15' 05"					F-48-31-B
thôn Ngài Sảng	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 56' 25"	105° 13' 03"					F-48-31-A
thôn Thâm Luông	DC	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 55' 31"	105° 11' 29"					F-48-31-A
núi Ba Tiên	SV	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 57' 18"	105° 08' 31"					F-48-31-A
dãy Đá Ngược	SV	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 54' 12"	105° 12' 20"					F-48-31-A
núi Mùng Túng	SV	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 57' 13"	105° 13' 11"					F-48-31-A
đỉnh Mường Chả	SV	xã Du Già	H. Yên Minh	22° 53' 25"	105° 13' 04"					F-48-31-A
suối Du Già	TV	xã Du Già	H. Yên Minh			22° 56' 37"	105° 11' 47"	22° 56' 28"	105° 14' 48"	F-48-31-A
thôn Bản Lè	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 55' 51"	105° 18' 27"					F-48-31-B
thôn Bản Lý	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 55' 32"	105° 16' 37"					F-48-31-B
thôn Già Vài	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 57' 47"	105° 17' 34"					F-48-31-B
thôn Khau Ản	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 56' 11"	105° 16' 28"					F-48-31-B
thôn Khau Vạc 1	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 55' 09"	105° 17' 18"					F-48-31-B
thôn Khau Vạc 2	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 53' 06"	105° 17' 39"					F-48-31-B
thôn Phìn Tỷ A	DC	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 55' 41"	105° 15' 04"					F-48-31-B
núi Chống Lìa	SV	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 56' 45"	105° 16' 11"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đỉnh Thu Thòa	SV	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 56' 06"	105° 19' 50"					F-48-31-B
núi Tia Sung	SV	xã Du Tiến	H. Yên Minh	22° 54' 59"	105° 15' 21"					F-48-31-B
suối Bản Cáp	TV	xã Du Tiến	H. Yên Minh			22° 56' 28"	105° 14' 48"	22° 57' 46"	105° 15' 53"	F-48-31-A F-48-31-B
thôn Chúng Pả	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 58' 45"	105° 10' 55"					F-48-31-A
thôn Cờ Cải	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 57' 57"	105° 10' 30"					F-48-31-A
thôn Cửa Tẩu	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 59' 03"	105° 11' 45"					F-48-31-A
thôn Lùng Cáng	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 59' 22"	105° 11' 06"					F-48-31-A
thôn Lùng Pủng	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 58' 13"	105° 12' 39"					F-48-31-A
thôn Sả Pả 1	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 58' 41"	105° 10' 09"					F-48-31-A
thôn Sả Pả 2	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 58' 27"	105° 09' 37"					F-48-31-A
thôn Xín Chải 1	DC	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	22° 58' 44"	105° 08' 42"					F-48-31-A
núi Vảng Pao	SV	xã Đường Thượng	H. Yên Minh	23° 01' 22"	105° 08' 33"					F-48-19-C
thôn Bản Chang	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 09' 07"	105° 10' 10"					F-48-19-C
thôn Bản Chưởng	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 08' 17"	105° 10' 18"					F-48-19-C
thôn Bản Vàng	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 07' 21"	105° 10' 52"					F-48-19-C
thôn Khai Hoang 1	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 09' 17"	105° 09' 25"					F-48-19-C
thôn Khai Hoang 2	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 08' 29"	105° 10' 22"					F-48-19-C
thôn Khai Hoang Bản Vàng	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 06' 53"	105° 11' 07"					F-48-19-C
thôn Mon Vải	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 06' 16"	105° 11' 25"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Ảm	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 11' 08"	105° 09' 02"					F-48-19-C
thôn Nà Hảo	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 09' 50"	105° 09' 34"					F-48-19-C
thôn Nà Tậu	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 07' 22"	105° 09' 51"					F-48-19-C
thôn Sủng Pảo 1	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 11' 06"	105° 09' 24"					F-48-19-C
thôn Sủng Pảo 2	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 10' 50"	105° 09' 00"					F-48-19-C
thôn Tân Tiến	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 07' 19"	105° 10' 19"					F-48-19-C
xóm Viềng	DC	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 09' 32"	105° 09' 50"					F-48-19-C
núi Ngám	SV	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh	23° 08' 00"	105° 10' 22"					F-48-19-C
suối Lũng Thầu	TV	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh			23° 11' 20"	105° 09' 50"	23° 07' 50"	105° 09' 54"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Hữu Vinh	H. Yên Minh			23° 08' 40"	105° 10' 41"	23° 06' 06"	105° 11' 27"	F-48-19-C
thôn Bắc Ngàm	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 10' 48"	105° 05' 55"					F-48-19-C
thôn Chế Quà	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 09' 05"	105° 06' 37"					F-48-19-C
thôn Chi Sang	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 07' 42"	105° 04' 56"					F-48-19-C
thôn Cóc Cọt	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 08' 44"	105° 05' 38"					F-48-19-C
thôn Khuổi Hao	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 09' 51"	105° 06' 43"					F-48-19-C
thôn Là Lũng	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 06' 16"	105° 06' 01"					F-48-19-C
thôn Lao Sì Lủng	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 04' 55"	105° 07' 07"					F-48-19-C
thôn Lao Và Chải	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 06' 54"	105° 04' 50"					F-48-19-C
xóm Lủng Phí	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 06' 35"	105° 06' 09"					F-48-19-C
thôn Nà Ván	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 08' 26"	105° 06' 48"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Ngái	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 08' 31"	105° 03' 10"					F-48-19-C
thôn Ngán Chải	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 07' 16"	105° 05' 08"					F-48-19-C
thôn Pa Pao	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 07' 45"	105° 03' 25"					F-48-19-C
thôn Sì Phài	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 08' 24"	105° 02' 35"					F-48-19-C
thôn Sín Chải	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 06' 38"	105° 05' 23"					F-48-19-C
thôn Sủng Là	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 04' 08"	105° 07' 42"					F-48-19-C
thôn Tống Tẩu	DC	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 07' 21"	105° 04' 05"					F-48-19-C
núi Tranh	SV	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh	23° 05' 01"	105° 05' 28"					F-48-19-C
suối Na Kinh	TV	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh			23° 08' 19"	105° 04' 44"	23° 09' 17"	105° 03' 12"	F-48-19-C
suối Phắc Nghè	TV	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh			23° 08' 11"	105° 05' 34"	23° 07' 55"	105° 07' 10"	F-48-19-C
quốc lộ 4C	KX	xã Lao Và Chải	H. Yên Minh			23° 08' 16"	105° 05' 02"	23° 07' 19"	105° 06' 28"	F-48-19-C
thôn Cáp 1	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 58' 28"	105° 14' 02"					F-48-31-A
thôn Cáp 2	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 57' 46"	105° 15' 29"					F-48-31-B
thôn Cáp 3	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 56' 51"	105° 14' 43"					F-48-31-A
thôn Dì Thàng	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 01' 02"	105° 16' 03"					F-48-19-D
thôn Làng Quá	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 59' 32"	105° 13' 08"					F-48-31-A
thôn Lao Lùng Tủng	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 59' 42"	105° 14' 35"					F-48-31-A
thôn Lùng Thàng	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 00' 47"	105° 12' 41"					F-48-19-C
thôn Nậm Luông	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 00' 11"	105° 17' 17"					F-48-19-D
thôn Ngài Trồ 1	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 58' 39"	105° 13' 42"					F-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Páo Chải	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 59' 28"	105° 16' 13"					F-48-31-B
thôn Phia Phà	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 00' 08"	105° 15' 14"					F-48-19-D
thôn Phìn Tỷ	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 58' 41"	105° 15' 59"					F-48-31-B
thôn Sảng Lủng	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 00' 26"	105° 14' 26"					F-48-19-C
thôn Su Chín	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 01' 30"	105° 16' 50"					F-48-19-D
thôn Tìa Lủng	DC	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	22° 57' 35"	105° 14' 08"					F-48-31-A
dãy Khau Cùa	SV	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 00' 52"	105° 16' 48"					F-48-19-D
núi Long Chử	SV	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 01' 44"	105° 15' 54"					F-48-19-D
núi Lũng Màng	SV	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 01' 19"	105° 16' 39"					F-48-19-D
dãy Pha Phước	SV	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh	23° 00' 44"	105° 14' 10"					F-48-19-C
suối Du Già	TV	xã Lũng Hồ	H. Yên Minh			22° 56' 52"	105° 15' 00"	22° 57' 47"	105° 15' 54"	F-48-31-B
thôn Cốc Cai	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 03' 54"	105° 13' 35"					F-48-19-C
thôn Kéo Hẻn	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 04' 47"	105° 13' 28"					F-48-19-C
thôn Khau Pai	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 06' 19"	105° 13' 22"					F-48-19-C
thôn Láo Lùng	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 05' 48"	105° 12' 45"					F-48-19-C
thôn Nà Bưa	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 03' 41"	105° 14' 01"					F-48-19-C
thôn Nà Đen	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 03' 54"	105° 13' 07"					F-48-19-C
thôn Nà Ở	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 02' 10"	105° 14' 56"					F-48-19-C
thôn Nà Sài	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 03' 59"	105° 12' 43"					F-48-19-C
thôn Ngài Chò	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 06' 42"	105° 12' 54"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngài Chò	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 07' 00"	105° 12' 16"					F-48-19-C
thôn Ngàm Soọc	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 05' 14"	105° 15' 22"					F-48-19-D
thôn Phác Đén	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 06' 04"	105° 13' 53"					F-48-19-C
thôn Phiêng Đé	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 01' 53"	105° 14' 31"					F-48-19-C
thôn Phố Chợ	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 04' 00"	105° 14' 19"					F-48-19-C
thôn Thôm Tiềng	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 04' 11"	105° 11' 57"					F-48-19-C
xóm Tùng Tỉnh	DC	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 06' 15"	105° 14' 37"					F-48-19-C
núi Đá Khuội	SV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 01' 36"	105° 14' 37"					F-48-19-C
dãy Khau Dúng	SV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 02' 15"	105° 14' 19"					F-48-19-C
núi Tản Đạo	SV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh	23° 03' 37"	105° 11' 57"					F-48-19-C
suối Bản Vàng	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 06' 02"	105° 12' 09"	23° 04' 43"	105° 13' 13"	F-48-19-C
suối Lủng Táo	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 01' 53"	105° 13' 28"	23° 03' 09"	105° 13' 20"	F-48-19-C
suối Nà Đõn	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 02' 51"	105° 12' 57"	23° 03' 49"	105° 13' 19"	F-48-19-C
suối Nguồn	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 04' 06"	105° 12' 05"	23° 04' 04"	105° 14' 44"	F-48-19-C
suối Pắc Ly	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 01' 22"	105° 14' 07"	23° 03' 54"	105° 14' 28"	F-48-19-C
suối Ta Chang	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 04' 21"	105° 11' 32"	23° 04' 06"	105° 12' 05"	F-48-19-C
suối Ta Khuột	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 03' 39"	105° 11' 19"	23° 04' 06"	105° 12' 05"	F-48-19-C
khe Tà Phục	TV	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh			23° 06' 56"	105° 13' 02"	23° 06' 02"	105° 12' 09"	F-48-19-C
đường tỉnh 176	KX	xã Mậu Duệ	H. Yên Minh					23° 04' 39"	105° 13' 09"	F-48-19-C
thôn Hạt Đạt	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 03' 54"	105° 17' 45"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hạt Trả	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 03' 00"	105° 18' 37"					F-48-19-D
thôn Khau Cùa	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 00' 56"	105° 17' 43"					F-48-19-D
thôn Khâu Nhang	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 02' 41"	105° 18' 41"					F-48-19-D
thôn Khoang	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 04' 41"	105° 17' 54"					F-48-19-D
thôn Lầu Khắm	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 02' 04"	105° 15' 46"					F-48-19-D
thôn Lũng Màng	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 01' 46"	105° 16' 56"					F-48-19-D
thôn Mà	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 04' 20"	105° 18' 44"					F-48-19-D
thôn Nà Đé	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 06' 07"	105° 17' 23"					F-48-19-D
thôn Nà Liêu	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 04' 15"	105° 15' 32"					F-48-19-D
thôn Nà Luông	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 05' 35"	105° 15' 54"					F-48-19-D
thôn Nà Mòn	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 03' 18"	105° 16' 33"					F-48-19-D
thôn Nà Tườm	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 02' 43"	105° 15' 31"					F-48-19-D
thôn Ngàm Án	DC	xã Mậu Long	H. Yên Minh	23° 01' 56"	105° 17' 34"					F-48-19-D
suối Bắc Luy	TV	xã Mậu Long	H. Yên Minh			23° 03' 23"	105° 15' 00"	23° 04' 18"	105° 16' 46"	F-48-19-D
suối Nậm Rốm	TV	xã Mậu Long	H. Yên Minh			23° 07' 09"	105° 19' 32"	23° 02' 40"	105° 20' 06"	F-48-19-D
sông Nhiệm	TV	xã Mậu Long	H. Yên Minh			23° 05' 45"	105° 16' 28"	23° 02' 40"	105° 20' 06"	F-48-19-D
suối Thâm Cung	TV	xã Mậu Long	H. Yên Minh			23° 06' 34"	105° 18' 59"	23° 03' 20"	105° 19' 00"	F-48-19-D
đội 2	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 11' 21"	105° 01' 38"					F-48-19-C
thôn Bản Đả	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 10' 36"	105° 02' 17"					F-48-19-C
thôn Bản Dào	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 11' 39"	104° 57' 52"					F-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cốc Lá	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 12' 01"	104° 58' 27"					F-48-18-D
thôn Khai Hoang	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 11' 41"	105° 01' 11"					F-48-19-C
xóm Lùng Phin	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 11' 20"	104° 59' 44"					F-48-18-D
thôn Na Kinh	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 09' 50"	105° 02' 38"					F-48-19-C
thôn Na Po	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 10' 57"	104° 59' 20"					F-48-18-D
thôn Phú Tỷ 1	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 10' 01"	105° 01' 18"					F-48-19-C
thôn Phú Tỷ 2	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 10' 40"	105° 00' 52"					F-48-19-C
thôn Thèn Phùng	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 09' 30"	105° 03' 58"					F-48-19-C
thôn Xéo Hồ	DC	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 11' 58"	104° 58' 48"					F-48-18-D
núi Nà Chủng	SV	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 11' 59"	104° 57' 51"					F-48-18-D
núi Ngam Khá	SV	xã Na Khê	H. Yên Minh	23° 12' 11"	104° 58' 25"					F-48-18-D
suối Bản Đá	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 09' 51"	105° 01' 51"	23° 09' 22"	105° 01' 16"	F-48-19-C
suối Bản Đả	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 11' 12"	105° 02' 37"	23° 09' 51"	105° 01' 51"	F-48-19-C
suối Bản Dào	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 11' 55"	104° 58' 38"	23° 11' 24"	104° 58' 29"	F-48-18-D
suối Coóc Choóng	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 12' 00"	105° 00' 15"	23° 11' 32"	105° 00' 31"	F-48-19-C
suối Lùng Phin	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 10' 18"	105° 00' 04"	23° 11' 39"	104° 57' 22"	F-48-18-D
sông Miện	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 11' 39"	104° 57' 22"	23° 10' 19"	105° 00' 00"	F-48-18-D F-48-19-C
suối Na Coóng	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 11' 54"	105° 01' 23"	23° 10' 18"	105° 00' 04"	F-48-19-C
suối Na Kinh	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 08' 19"	105° 04' 44"	23° 09' 17"	105° 03' 12"	F-48-19-C
suối Xéo Hồ	TV	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 12' 17"	104° 58' 30"	23° 11' 55"	104° 58' 38"	F-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4C	KX	xã Na Khê	H. Yên Minh			23° 08' 16"	105° 05' 02"	23° 08' 32"	105° 01' 31"	F-48-19-C
thôn Cốc Pèng	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 03' 27"	105° 09' 55"					F-48-19-C
thôn Nà Làu	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 01' 52"	105° 12' 06"					F-48-19-C
thôn Nà Ngù	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 03' 50"	105° 10' 10"					F-48-19-C
thôn Nậm Cấp	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 03' 31"	105° 10' 10"					F-48-19-C
thôn Nậm Nong	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 04' 02"	105° 10' 42"					F-48-19-C
thôn Phiêng Chom	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 04' 28"	105° 09' 40"					F-48-19-C
thôn Sa Lỳ	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 01' 55"	105° 11' 29"					F-48-19-C
thôn Sủng Hòa	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 03' 50"	105° 08' 28"					F-48-19-C
thôn Tà Điền	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 03' 00"	105° 11' 14"					F-48-19-C
thôn Tiến Hòa	DC	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 02' 47"	105° 11' 20"					F-48-19-C
núi Đá Khô	SV	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 02' 51"	105° 07' 53"					F-48-19-C
núi Đấm Chỏng	SV	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 03' 44"	105° 10' 21"					F-48-19-C
dãy Sang Thông	SV	xã Ngam La	H. Yên Minh	23° 02' 10"	105° 08' 47"					F-48-19-C
suối Lùng Táo	TV	xã Ngam La	H. Yên Minh			23° 01' 14"	105° 13' 07"	23° 03' 09"	105° 13' 20"	F-48-19-C
suối Nà Bá	TV	xã Ngam La	H. Yên Minh			23° 02' 41"	105° 09' 47"	23° 03' 39"	105° 11' 19"	F-48-19-C
suối Nà Đen	TV	xã Ngam La	H. Yên Minh			23° 01' 19"	105° 12' 37"	23° 03' 09"	105° 13' 20"	F-48-19-C
suối Nà Hồ	TV	xã Ngam La	H. Yên Minh			23° 03' 31"	105° 08' 35"	23° 04' 41"	105° 10' 26"	F-48-19-C
đường tỉnh Minh Ngọc - Mậu Duệ	KX	xã Ngam La	H. Yên Minh			23° 01' 06"	105° 12' 17"	23° 02' 57"	105° 12' 48"	F-48-19-C
thôn Bản Án	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 00' 32"	105° 18' 31"					F-48-19-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Chún	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 59' 31"	105° 19' 19"					F-48-31-B
thôn Bản Khún	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 58' 39"	105° 20' 12"					F-48-31-B
thôn Bản Lầu	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 01' 18"	105° 19' 19"					F-48-19-D
thôn Bản Roài	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 59' 29"	105° 17' 21"					F-48-31-B
thôn Cốc Xa	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 00' 58"	105° 22' 39"					F-48-19-D
thôn Dày	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 02' 28"	105° 19' 51"					F-48-19-D
xóm Đồng Tấu	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 01' 19"	105° 20' 47"					F-48-19-D
thôn Nà Cắm	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 01' 57"	105° 20' 52"					F-48-19-D
thôn Na Ngàm	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 00' 55"	105° 21' 14"					F-48-19-D
xóm Nà Sa	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 57' 32"	105° 19' 11"					F-48-31-B
thôn Pác Muốc	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	23° 00' 15"	105° 21' 27"					F-48-19-D
thôn Pác Ngoa	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 59' 03"	105° 21' 02"					F-48-31-B
thôn Phia Mạnh 1	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 57' 01"	105° 20' 59"					F-48-31-B
thôn Phia Pèn	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 59' 48"	105° 20' 28"					F-48-31-B
thôn Phiêng Kiền	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 57' 55"	105° 19' 23"					F-48-31-B
xóm Phinh Rao	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 57' 01"	105° 19' 27"					F-48-31-B
xóm Sao	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 58' 17"	105° 20' 37"					F-48-31-B
thôn Tà Muồng	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 57' 21"	105° 19' 23"					F-48-31-B
thôn Tàng Sản	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 59' 52"	105° 21' 54"					F-48-31-B
thôn Tồng Ngáo	DC	xã Ngọc Long	H. Yên Minh	22° 58' 54"	105° 16' 28"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bắc Bục	TV	xã Ngọc Long	H. Yên Minh			23° 00' 18"	105° 21' 52"	23° 01' 25"	105° 18' 42"	F-48-19-D
suối Bản Án	TV	xã Ngọc Long	H. Yên Minh			23° 00' 42"	105° 18' 04"	23° 02' 57"	105° 19' 47"	F-48-19-D
suối Lang	TV	xã Ngọc Long	H. Yên Minh			22° 57' 46"	105° 15' 53"	23° 00' 07"	105° 17' 27"	F-48-31-B
sông Nhiệm	TV	xã Ngọc Long	H. Yên Minh			23° 02' 57"	105° 19' 47"	23° 02' 23"	105° 21' 58"	F-48-19-D
thôn A1	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 59"	105° 04' 58"					F-48-19-C
thôn B1	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 49"	105° 05' 06"					F-48-19-C
thôn B2	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 39"	105° 05' 08"					F-48-19-C
thôn B3	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 40"	105° 04' 43"					F-48-19-C
thôn Mẻo Ván	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 54"	105° 04' 30"					F-48-19-C
thôn Páo Cờ Tủng	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 49"	105° 04' 10"					F-48-19-C
thôn Phú Lũng Trong	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 15' 19"	105° 03' 58"					F-48-19-A
thôn Sủng Lìn	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 15' 32"	105° 04' 23"					F-48-19-A
thôn Sùng Sử A	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 17"	105° 04' 39"					F-48-19-C
thôn Sủng Sử B	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 13' 43"	105° 04' 34"					F-48-19-C
thôn Xà Ván	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 15' 17"	105° 04' 54"					F-48-19-A
thôn Xín Chải	DC	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 14' 33"	105° 03' 24"					F-48-19-C
núi Bạc	SV	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 15' 20"	105° 03' 27"					F-48-19-A
núi Khó Chư	SV	xã Phú Lũng	H. Yên Minh	23° 15' 32"	105° 04' 05"					F-48-19-A
suối Na Xàng	TV	xã Phú Lũng	H. Yên Minh			23° 14' 46"	105° 03' 05"	23° 13' 42"	105° 03' 16"	F-48-19-C
thôn Bản Ruồng	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 12' 14"	105° 06' 41"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chúng Chải	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 13' 47"	105° 05' 24"					F-48-19-C
thôn Làng Pèng	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 12' 56"	105° 06' 52"					F-48-19-C
thôn Lù Cao Ván	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 13' 39"	105° 07' 12"					F-48-19-C
thôn Sàng Súng	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 12' 50"	105° 06' 18"					F-48-19-C
thôn Sủng Chớ	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 13' 23"	105° 07' 35"					F-48-19-C
thôn Sùng Sảng	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 11' 54"	105° 07' 14"					F-48-19-C
thôn Tráng Lộ	DC	xã Sủng Cháng	H. Yên Minh	23° 12' 22"	105° 07' 04"					F-48-19-C
thôn Cháng Pùng A	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 11' 21"	105° 07' 23"					F-48-19-C
thôn Cháng Pùng B	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 11' 03"	105° 07' 40"					F-48-19-C
thôn Chù Xá	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 11' 33"	105° 07' 43"					F-48-19-C
thôn Đồ Khóa	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 08' 30"	105° 08' 25"					F-48-19-C
thôn Há Lìa	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 10' 28"	105° 08' 01"					F-48-19-C
thôn Hồng Ngài A	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 09' 51"	105° 07' 46"					F-48-19-C
thôn Hồng Ngài B	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 09' 37"	105° 07' 57"					F-48-19-C
thôn Hồng Ngài C	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 09' 40"	105° 08' 33"					F-48-19-C
thôn Lùng Pủng A	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 08' 41"	105° 09' 18"					F-48-19-C
thôn Lùng Pủng B	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 08' 26"	105° 09' 20"					F-48-19-C
thôn Lùng Vảng	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 08' 52"	105° 07' 43"					F-48-19-C
thôn Sủng Phính	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 10' 35"	105° 06' 47"					F-48-19-C
thôn Suối Tỷ	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 11' 30"	105° 08' 49"					F-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xà Ván	DC	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 11' 22"	105° 08' 25"					F-48-19-C
núi Chu Xá	SV	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 10' 55"	105° 08' 29"					F-48-19-C
núi Páo Sả	SV	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 09' 02"	105° 08' 46"					F-48-19-C
núi Sín Chải	SV	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 10' 02"	105° 08' 06"					F-48-19-C
núi Sủng Pó	SV	xã Sủng Thài	H. Yên Minh	23° 09' 40"	105° 07' 48"					F-48-19-C
thôn Chúng Chải	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 13' 00"	105° 07' 58"					F-48-19-C
thôn Há Già	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 12' 27"	105° 04' 45"					F-48-19-C
thôn Khán Trồ	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 13' 24"	105° 04' 40"					F-48-19-C
thôn Mào Phố 1	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 13' 16"	105° 05' 24"					F-48-19-C
thôn Mào Phố 2	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 13' 17"	105° 05' 60"					F-48-19-C
thôn Sủng Lảng	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 14' 12"	105° 05' 14"					F-48-19-C
thôn Sủng Pờ	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 14' 25"	105° 07' 06"					F-48-19-C
thôn Xủa Chải	DC	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 13' 34"	105° 05' 27"					F-48-19-C
núi Há Chí Ròa	SV	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 14' 51"	105° 06' 51"					F-48-19-C
núi Hồ Quáng Phìn	SV	xã Thắng Mố	H. Yên Minh	23° 15' 54"	105° 04' 29"					F-48-19-A

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc